

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**
 - Mã chứng khoán:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4-5, số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: (08) 3914 2929 Fax: (08) 3914 3435
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Huỳnh Văn Tốt**
 - Địa chỉ thường trú: 26 Yersin, phường Vạn Thắng, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa.
 - Điện thoại di động: 0983 377 072
 - Điện thoại cơ quan: (08) 3914 2929 - Ext: 919
 - Fax: (08) 3914 3435
 - Loại thông tin công bố:
 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
- Nội dung thông tin công bố:
Công ty CPCK BETA công bố thông tin về Báo cáo thường niên 2016 của Công ty.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 19/04/2017 tại đường dẫn <http://www.bsi.com.vn/InvestorRelations.aspx> hoặc Quý Cơ quan đăng nhập vào trang web www.bsi.com.vn vào mục Quan hệ nhà đầu tư/Thông tin tài chính/Năm 2016/Báo cáo thường niên 2016.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp



Huỳnh Văn Tốt



2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

KINH DOANH CHỨNG KHOÁN chìa khóa để tạo ra giá trị lâu dài cho bất kỳ doanh nghiệp, là phải luôn luôn sáng tạo. Để đáp ứng linh hoạt tất cả các nhu cầu của quý vị, BSI luôn xác định xu hướng mới xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và không ngừng sáng tạo những giá trị mới cho khách hàng, đối tác và cổ đông. Trong báo cáo thường niên, quý vị sẽ khám phá ra sự đổi mới mà chúng tôi đang xây dựng để đạt được tiến bộ cụ thể trong lĩnh vực quản lý kinh doanh chứng khoán...

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) được thành lập theo Quyết định số 67/UBCK-GP ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Triển khai hoạt động tại Việt Nam từ năm 2007 và kể từ đó BSI luôn đạt được sự gia tăng về khối lượng giao dịch hàng năm. Tại BSI, chúng tôi cùng nhau xây dựng để trở thành một thương hiệu chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. BSI cam kết cung cấp cho khách hàng các dịch vụ hoàn hảo, sản phẩm chất lượng đa dạng và chuyên biệt, có độ tin cậy cao dựa trên một nền tảng đội ngũ chuyên viên am hiểu về tài chính và giàu kinh nghiệm. “Vững tin vào đầu tư” là sức mạnh, thông điệp và cam kết hoạt động của BSI. Chúng tôi hiểu rằng sự thành công của khách hàng chính là sự thành công của BSI.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

MỤC LỤC

5	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
6	Tổng quan về công ty
12	Cột mốc phát triển
16	Môi trường kinh doanh 2016
29	Dự báo xu hướng phát triển năm 2017
31	Kết quả hoạt động năm 2016 của BSI
34	Tổng quan dịch vụ
38	Tình hình nhân sự
40	Định hướng phát triển 2017
41	Một số chỉ tiêu tài chính 2016
42	Sơ đồ tổ chức
44	Hội đồng quản trị
46	Ban Kiểm soát
47	Ban Tổng Giám đốc
50	Báo cáo tài chính 2016



THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ nhân viên,

Năm 2017 là năm thứ 10 Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) ra đời và phát triển trong giai đoạn thị trường chứng khoán có nhiều thay đổi. Đó là sự khó khăn, thách thức, thăng hoa và cả cơ hội. Năm 2016 là năm của sự kiện bất ngờ, ảnh hưởng đến toàn thế giới và Việt Nam, như: sự kiện thị trường chứng khoán Trung Quốc tự ngắt giao dịch ngày 1.4, sự kiện nước Anh rời khỏi EU (Brexit) ngày 24.6, kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ ngày 9.11 hay những rủi ro mới trên thị trường chứng khoán Việt Nam... Những sự kiện này có sự tác động rất lớn đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, điều này không phải là dấu lạng mà luôn tồn tại những cơn sóng ngầm mạnh mẽ phản ảnh thị trường chứng khoán luôn ở dạng tiềm năng.

Bên cạnh những yếu tố mang tính thách thức nói trên thì Việt Nam vẫn có nhiều điểm tích cực cho sự phát triển dành cho thị trường chứng khoán. Với các chiến lược phát triển kinh tế ngày càng mở rộng, hành lang pháp lý thông thoáng, thiết thực, như: mở lộ trình sát nhập hai Sở giao dịch chứng khoán, rút ngắn thời gian từ IPO đến sàn chứng khoán, khởi động thị trường chứng khoán phái sinh... sẽ là cơ hội để BSI hoàn thiện và vươn xa trong thời gian tới.

Đứng trước cơ hội này, BSI xác định các mục tiêu trọng tâm

tiếp tục được thực hiện trong năm 2017 vẫn là:

- 1) Tập trung tái cơ cấu toàn diện các mặt trong hoạt động kinh doanh, chủ động kiểm soát rủi ro nhằm duy trì chất lượng và tăng trưởng bền vững.
- 2) Tích cực triển khai các chương trình thu hút nhà đầu tư đồng thời chủ động nắm bắt các cơ hội của thị trường, phân tích và đề xuất chiến lược đầu tư khi có điều kiện.
- 3) Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, chất lượng cao.

Tôi tin rằng nhờ vào việc xác định mục tiêu trọng tâm rõ ràng cùng với sự cố gắng hết mình của toàn thể Cán bộ nhân viên, sự ủng hộ nhiệt thành của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Quý đối tác, BSI sẽ ngày càng phát triển và có vị thế nhất định trên thị trường chứng khoán.

Tôi xin thay mặt Hội đồng Quản trị trân trọng gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và tập thể Cán bộ nhân viên BSI đã tích cực đóng góp vào sự phát triển của Công ty trong suốt những năm qua. Tôi và Hội đồng Quản trị cam kết sẽ phấn đấu không ngừng nghỉ vì sự phát triển ổn định, bền vững và lâu dài của BSI. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự đồng thuận và đồng hành của Quý vị trong tương lai.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng./.



NGUYỄN VĂN CỰU
Chủ tịch Hội đồng Quản Trị

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

BSI là một công ty chứng khoán chuyên nghiệp, có khả năng đáp ứng đầy đủ các dịch vụ theo quy định của nhà nước đối với công ty chứng khoán. Hiện nay, BSI đang cung cấp các nghiệp vụ và dịch vụ trọn gói sau:

- Môi giới chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Xác định giá trị doanh nghiệp

THÔNG TIN CHUNG

Tên chính thức: Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI)

Hội sở: 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3914 2929

Fax: (84-8) 3914 3435

Email: support@bsi.com.vn

Website: www.bsi.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) được thành lập vào ngày 06/12/2007 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Hiện nay, BSI đang hoạt động với số vốn điều lệ là 400 tỷ đồng và thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.

Mục tiêu của chúng tôi là luôn đồng hành với sự phát triển của thị trường tài chính, hỗ trợ tích cực cho nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân, cung cấp công cụ đầu tư tối ưu và đưa ra giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy sự phát triển và tạo thêm các giá trị gia tăng cho khách hàng.

VISION, MISSION & VALUE

TÂM NHÌN

Trở thành một trong những Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam về thương hiệu và chất lượng dịch vụ.

SỨ MỆNH

BSI xác định nguồn nhân lực làm nòng cốt, tạo dựng đội ngũ CBNV làm việc chuyên nghiệp và có đạo đức nghề nghiệp.

BSI chú trọng tạo lập, duy trì sự tin cậy, hài lòng của khách hàng, đối tác và đảm bảo hài hòa lợi ích cho cổ đông.

BSI hoạt động hướng đến lợi ích chung của xã hội.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

MINH BẠCH: BSI hoạt động theo tiêu chí minh bạch và trung thực.

SÁNG TẠO: BSI xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và không ngừng sáng tạo những giá trị mới cho khách hàng, đối tác và cổ đông.

TIN CẬY: nền tảng kinh doanh của BSI là tạo dựng uy tín với khách hàng, đối tác và cổ đông.

LỢI THẾ CẠNH TRANH

Thế mạnh của BSI là sự kết hợp giữa đội ngũ nhân sự chất lượng cao, lợi thế về công nghệ hiện đại, năng lực tài chính mạnh và được định hướng bằng chiến lược phát triển bền vững.

BSI hội tụ đội ngũ nhân sự có tầm nhìn và đạo đức nghề nghiệp:

Hệ thống nhân sự của BSI có chất lượng cao, bao gồm 20 cán bộ quản lý có trình độ đại học và sau đại học. Đội ngũ chuyên viên được đào tạo chuyên sâu về chứng khoán, tài chính và ngân hàng ở trong và ngoài nước; am tường trong lĩnh vực tài chính; nhiều năm kinh nghiệm làm việc cho các công ty tài chính, quỹ đầu tư và công ty chứng khoán; không ngừng cập nhật kỹ năng chuyên môn, năng lực nghiên cứu và được dẫn dắt bởi ban lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược.

Công nghệ hiện đại:

BSI có hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng đầy đủ và trụ sở được đặt tại trung tâm tài chính. BSI được đánh giá là một trong những công ty chứng khoán có hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhất trong các công ty chứng khoán trong nước. Hiện nay, BSI đang áp dụng phần mềm giao dịch chứng khoán chuyên nghiệp của công ty Tong Yang Securities và TY Systems (Hàn Quốc). Đây là phần mềm tiên phong về giao dịch trực tuyến, giao dịch di động và nhiều tiện ích giao dịch tiên tiến khác thông qua những phương thức giao dịch: B-Pro, B-Web và B-Mobile với những ưu điểm nổi bật như:

- Bảo mật cao, giao diện thân thiện, ổn định, nhiều tùy biến cá nhân hóa cho nhà đầu tư và được hỗ trợ bằng 03 ngôn ngữ: Tiếng Việt, Tiếng Anh và Tiếng Hàn Quốc.
- Khả năng xử lý 50.000 lệnh tại cùng một thời điểm. Thời gian nhập lệnh nhanh hơn đến 10 lần và thời gian trả kết quả rút ngắn xuống dưới 0,5 giây/lệnh so với 2 - 3 giây/lệnh thông thường.
- Nhà đầu tư có thể theo dõi toàn bộ thông tin giao dịch,

biến động giá cổ phiếu, thông tin thị trường, đồ thị phân tích kỹ thuật hiện đại trên một màn hình tích hợp và được cập nhật theo thời gian thực.

- Cung cấp hệ thống thông minh để quản lý danh mục đầu tư, tài khoản chứng khoán hiệu quả. Truy cập, truy xuất nhanh dữ liệu giao dịch và những biến động nhạy cảm của thị trường dễ dàng.

Chúng tôi luôn dự báo trước các nhu cầu và sự phát triển của công nghệ trong tương lai, từ đó đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng tốt nhất để đón đầu triển khai các nghiệp vụ mới.

Năng lực tài chính mạnh:

BSI đang hoạt động với số vốn điều lệ là 400 tỷ đồng, có kế hoạch tăng vốn hàng năm để trở thành một trong những công ty hàng đầu về vốn và năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, BSI có một mạng lưới quan hệ rộng khắp, chặt chẽ với các quỹ đầu tư, các tổ chức đầu tư tài chính lớn trong và ngoài nước. Đây là cơ sở để BSI hoàn toàn có thể hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư về dịch vụ hỗ trợ vốn như giao dịch ký quỹ; ứng trước tiền bán; cầm cố chứng khoán; repo cổ phiếu, trái phiếu. Hơn nữa, được sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức tài chính như: Ngân hàng Bản Việt; Ngân hàng Nam Á; Tập đoàn Đô Thành là nền tảng vững chắc cho sự thành công của các dự án tư vấn tài chính doanh nghiệp, đặc biệt là trong trường hợp khách hàng có nhu cầu tái cấu trúc vốn và những giải pháp về vốn khác.

Chiến lược phát triển bền vững:

BSI tiếp tục kiên định lập trường hướng tới phát triển ổn định và bền vững, phấn đấu vươn lên trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nổi bật về thương hiệu, uy tín về chất lượng và hiệu quả trong hoạt động. Chú trọng chất lượng dịch vụ đi kèm với củng cố mạng lưới hoạt động; đề cao công tác giám sát – kiểm tra, minh bạch các quy trình thực hiện; nâng cấp và hoàn thiện



hệ thống công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho quá trình giao dịch của nhà đầu tư nhanh chóng, tiện ích và bảo mật; đa dạng hóa sản phẩm – dịch vụ nhằm thỏa mãn mọi nhu cầu của khách hàng.

Những thế mạnh trên chỉ là một vài trong nhiều yếu tố để tạo ra lợi thế về sự khác biệt của chất lượng cũng như giá trị dịch vụ mà BSI mang đến cho nhà đầu tư. Hơn thế nữa, sự kết hợp tương hỗ chặt chẽ lợi thế đó với những tôn chỉ kinh doanh:

- Con người là trung tâm, khuyến khích tư duy sáng tạo trong chuyên môn nghiệp vụ vì quyền lợi của khách hàng và sự phát triển của BSI.
- Bảo đảm hài hòa lợi ích và quyền lợi của các bên liên quan.
- Không ngừng đổi mới và phát triển toàn diện.

- Quản trị rủi ro hiệu quả, tích cực áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế trong quản trị điều hành.

- Luôn tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển cộng đồng.

Những điều này đã tạo nên sức mạnh cạnh tranh toàn diện của BSI cũng như phát huy cao nhất hiệu quả hoạt động của hệ thống. Từ đó tạo ra giá trị tối ưu cho nhà đầu tư đang sử dụng sản phẩm và dịch vụ của BSI. Đồng thời, tiếp tục thỏa mãn nhu cầu của nhà đầu tư trong hiện tại và tương lai, thích nghi với mọi giai đoạn phát triển của thị trường tài chính Việt Nam. “**Vững tin vào đầu tư**” là khẩu hiệu và cũng chính là sự cam kết về chất lượng sản phẩm - dịch vụ của BSI đối với khách hàng.

CỘT MỐC PHÁT TRIỂN



2007

Ngày 06/12/2007:
BSI được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 135 tỷ đồng, trụ sở chính đặt tại số 16 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2008

Ngày 25/7/2008:
Vốn điều lệ của BSI tăng từ 134 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng.

Ngày 28/8/2008:
BSI tăng vốn điều lệ từ 270 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.

2009

Ngày 01/7/2009:
BSI chính thức triển khai hệ thống giao dịch trực tuyến (Online Trading).

Ngày 08/10/2009:
BSI thành lập Chi nhánh Hà Nội tại số 27 Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngày 20/11/2009:
BSI chính thức triển khai các nghiệp vụ Lưu ký chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Xác định giá trị doanh nghiệp.

2010

Ngày 14/10/2010:
BSI thành lập Chi nhánh Sài Gòn tại số 38-40-42 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.



2011

Tháng 1/2011:
BSI vinh dự đón nhận giải thưởng Cúp vàng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển năm 2010”.

Ngày 31/8/2011:
Vốn điều lệ của BSI tăng từ 300 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng.

2012

Đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch trực tuyến hiện đại B-Trade, triển khai nghiệp vụ Margin.

2013

Thị phần môi giới chứng khoán niêm yết trên hai sàn HOSE và HNX của BSI chiếm gần 1%. Thuộc Top 10 Công ty có thị phần môi giới Trái phiếu Chính phủ nhiều nhất năm 2013.

Tháng 3/2013: Thành lập văn phòng đại diện tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Tháng 10/2013:
BSI chính thức chuyển Trụ sở hoạt động về 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ngay trung tâm tài chính của thành phố.

2014

Tháng 01/2014:
BSI chính thức triển khai phần mềm giao dịch chứng khoán mới T-Solution (Hàn Quốc) bao gồm B-Pro, B-Web và B-Mobile để hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán. Đây là một trong những phần mềm mạnh nhất trên thị trường trong nước và đang được ứng dụng rộng rãi tại một số nước trong khu vực. Tại Việt Nam, T-Solution đang được những công ty chứng khoán lớn như VCSC, SHS, PSI, Woori CVB, KIS sử dụng.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2016

MÔI TRƯỜNG KINH TẾ THẾ GIỚI

Kinh tế thế giới năm 2016 chứng kiến đà tăng trưởng chậm lại trong bối cảnh một loạt rủi ro và bất ổn đối với kinh tế toàn cầu gia tăng. Hầu hết các nền kinh tế đều cho thấy sự tăng trưởng trì trệ, bất chấp những nỗ lực nới lỏng tài khoá và tiền tệ (*biểu đồ 1*). Tổng thể bức tranh nền kinh tế toàn cầu có thể được nhìn thấy từ những điểm chính sau:

Tín hiệu cải thiện kinh tế toàn cầu yếu và đối diện với nhiều bất ổn

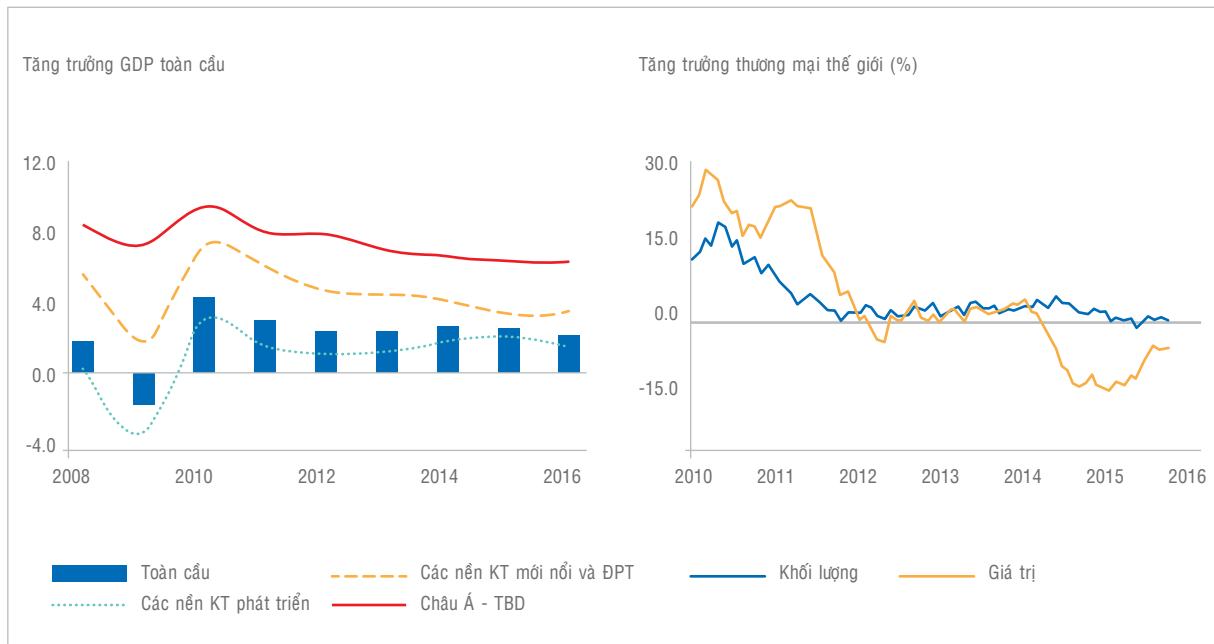
Triển vọng tăng trưởng toàn cầu bị suy giảm, kể cả tại các nền kinh tế mới nổi và các nước thu nhập cao. Bên cạnh đó, giá nguyên vật liệu giảm cũng làm cho viễn cảnh kinh tế các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển xuất khẩu nguyên vật liệu bị xấu đi. Mặc dù giá năng lượng giảm và thị trường lao động có một số cải thiện nhưng mức tăng trưởng tại các nước phát triển vẫn không khả quan. Do đó, tăng trưởng toàn cầu năm 2016 phải chấp nhận kết quả thấp hơn so với dự kiến, chủ yếu phản ánh đà tăng trưởng bị suy giảm ở các nền kinh tế lớn và phát triển. Trong đó, viễn cảnh tăng

trưởng ở khu vực đồng Euro, Anh Quốc và Liên bang Mỹ đã giảm đà từ ngay cuối Quý 2. Đồng thời, các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi cũng là các quốc gia xuất khẩu thương phẩm thô tiếp tục gặp khó khăn khi phải đối phó với giá cả thương phẩm thấp như đã đề cập. Sức cầu nhập khẩu yếu ở các nền kinh tế phát triển khiến cho thương mại toàn cầu vẫn chưa thể khởi sắc.

Rủi ro trong nền kinh tế toàn cầu chưa được giải quyết và vẫn theo hướng bất lợi

Rủi ro tiêu cực vẫn chiếm ưu thế trong viễn cảnh toàn cầu, trong đó bao gồm tăng trưởng chậm chạp tại các nước thu nhập cao; tình trạng giảm sút chung tại các thị trường mới nổi; thương mại toàn cầu kém; giá nguyên vật liệu giữ ở mức thấp trong thời gian dài; và thị trường tài chính toàn cầu ngày càng biến động. Môi trường kinh tế toàn cầu có thể sẽ chịu thêm rủi ro từ việc Vương quốc Anh rời khỏi Liên minh Châu Âu (Brexit). Tiến trình giảm tốc dần dần và tái cơ cấu tại Trung Quốc và tăng trưởng kém tại các nước BRICS có thể gây ra những tác động lan tỏa đáng kể lên các nền

Biểu đồ 1: Môi trường kinh tế toàn cầu chưa thể khởi sắc



Nguồn: World Bank (12/2016), cập nhật bởi BSI

kinh tế mới nổi và đang phát triển.

Dòng vốn chảy vào các nền kinh tế mới nổi có mức độ dễ bị tổn thương cao

Biến động trên thị trường tài chính bị gây ra bởi chi phí đi vay tăng đột biến trong chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ tại Mỹ hay bởi tâm lý ngại rủi ro đang tác động mạnh lên dòng vốn chảy vào các nền kinh tế mới nổi. Những điều này làm cho dòng vốn trở lên dễ bị tổn thương.

Khu vực Đông Á Thái Bình Dương vẫn có sức kháng cự tương đối tốt

Mặc dù kinh tế toàn cầu tăng trưởng kém nhưng khu vực Đông Á Thái Bình Dương vẫn có sức kháng cự tương đối tốt và tăng trưởng dự đoán chỉ giảm nhẹ trong giai đoạn 2016-2018. Tăng trưởng của các nền kinh tế đang phát triển khu vực Đông Á Thái Bình Dương dự báo sẽ giảm nhẹ xuống còn 6,3% trong năm 2016, và 6,2% trong giai đoạn 2017-2018. Mức sụt giảm tăng trưởng trong khu vực chủ yếu phản ánh tiến trình chuyển hướng dần sang mô hình tăng

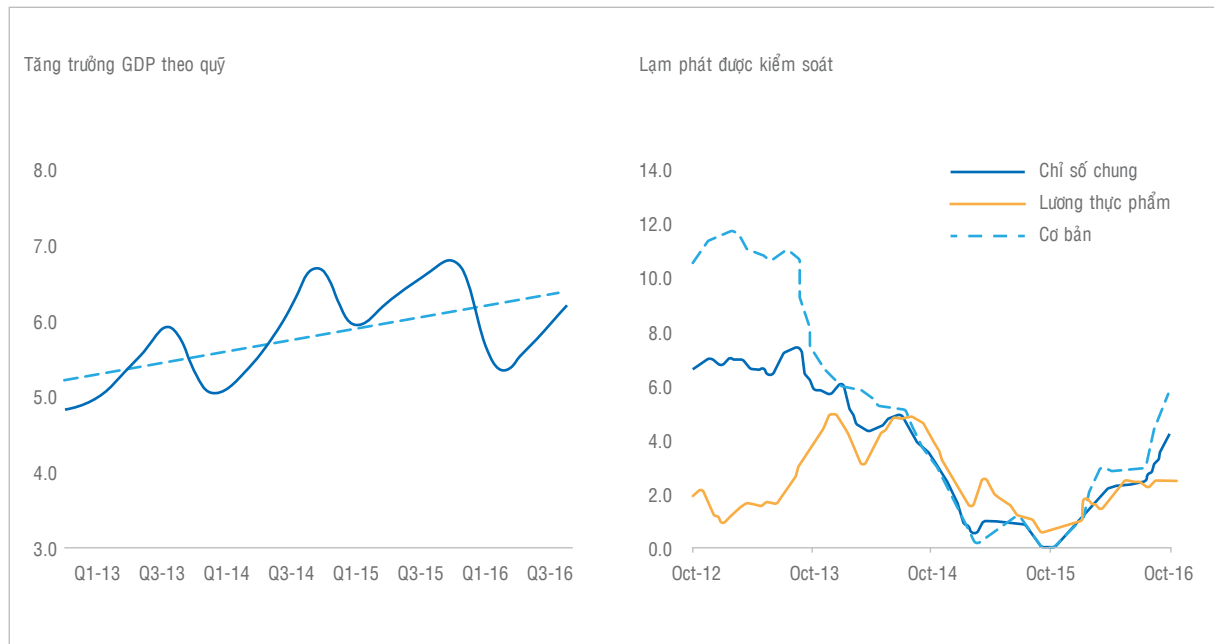
trưởng chậm hơn nhưng bền vững hơn tại Trung Quốc và viễn cảnh tăng trưởng thấp tại một số nước xuất khẩu nguyên vật liệu.

DIỄN BIẾN CỦA KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2016

Môi trường bên ngoài vẫn đang là thách thức với nền kinh tế Việt Nam khi nền kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục khôi phục với tốc độ chậm. Nền kinh tế Việt Nam vẫn dễ bị ảnh hưởng nếu kinh tế toàn cầu tiếp tục suy giảm vì lớp đệm chính sách tài khóa và tiền tệ ngày càng hạn chế, không còn nhiều dư địa để tiếp tục đối phó với những cú sốc tiêu cực tiếp theo. Rủi ro trong ngắn hạn bao gồm suy giảm mạnh hơn dự kiến của Trung Quốc và viễn cảnh thắt chặt chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ.

Tình hình thị trường tài chính chưa khởi sắc và dễ gặp phải những biến động bất ngờ. Mặc dù Việt Nam ít bị ảnh hưởng bởi những biến động về dòng vốn nên phần nào hạn chế được tác động lan tỏa trực tiếp trong trường hợp biến động toàn cầu (so với các thị trường tài chính mới nổi và phát triển). Tuy nhiên lãi suất có xu hướng tăng cao và thanh

Biểu đồ 2: Môi trường kinh tế vĩ mô của Việt Nam tiếp tục được củng cố



Nguồn: SBV và Tổng cục Thống kê, cập nhật bởi BSI

khó khăn bị thắt chặt cũng phần nào gây ra nhiều hạn chế khi Việt Nam có kế hoạch tiếp cận thị trường vốn quốc tế nhiều hơn để đáp ứng nhu cầu vốn cho ngân sách trong trung hạn. Bên cạnh đó, tiến trình cải cách còn chậm. Đặc biệt, Hiệp định TPP đã chính thức dừng lại có thể ảnh hưởng đến tương lai của Việt Nam - xét đến quan hệ thương mại mạnh mẽ với thị trường Mỹ cũng như kỳ vọng sẽ được hưởng lợi nhiều khi tham gia với tư cách thành viên TPP.

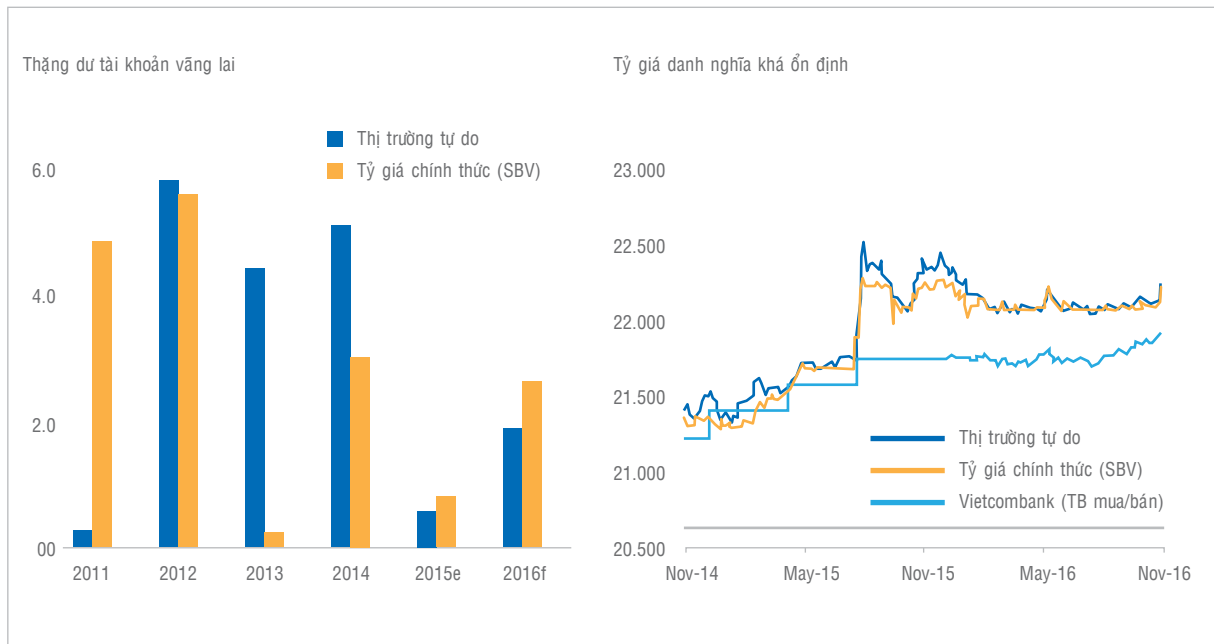
Lạm phát được kiểm soát, tình hình kinh tế vĩ mô ổn định nhưng mức tăng trưởng chậm lại

Môi trường kinh tế vĩ mô của Việt Nam tiếp tục được củng cố mặc dù tăng trưởng đã phần nào chững lại trong năm 2016. Tăng trưởng giảm dần xuống mức 5,9% trong ba quý đầu năm, chủ yếu do tác động của hạn hán đến sản lượng nông nghiệp, sản lượng dầu thô bị cắt giảm và sức cầu bên ngoài chững lại. Tuy nhiên, các yếu tố đảm bảo tăng trưởng căn bản như (i) sức cầu mạnh trong nước và (ii) các ngành sản xuất định hướng xuất khẩu vẫn đứng vững. Lạm phát tăng lên trong những tháng gần đây sau khi xuống mức

thấp kỷ lục năm 2015 - chủ yếu do chính sách tăng giá các dịch vụ y tế và giáo dục. Tuy nhiên, chỉ số giá tiêu dùng cả năm vẫn thấp hơn so với mục tiêu 5% của chính phủ (biểu đồ 2).

Về kinh tế đối ngoại, thặng dư tài khoản vãng lai tiếp tục được cải thiện chủ yếu do nhập khẩu đã chậm lại. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn được thu hút mạnh và do mức độ tiếp cận còn hạn chế của Việt Nam với các luồng vốn đầu tư gián tiếp (FII) nên phần nào hạn chế được tác động của những biến động tài chính toàn cầu gần đây. Nhờ tình hình kinh tế đối ngoại tiếp tục được cải thiện, tỷ giá danh nghĩa được giữ ở mức khá ổn định kể từ đầu năm cho dù đồng Việt Nam đã có nhiều biến động trong tháng 11 do đô la Mỹ đang mạnh lên ở mức kỷ lục (biểu đồ 3). Dự trữ ngoại hối của NHNN dần được nâng lên, tuy vẫn ở mức tương đối thấp lên mức khá an toàn (tương đương 3 tháng nhập khẩu vào cuối năm 2016). Tuy nhiên, mức tăng trưởng tương đối cao của Việt Nam đạt được trong năm nay một phần là nhờ tín dụng tiếp tục tăng nhanh và chính sách tài khóa hỗ trợ. Những biện pháp này có thể kích thích tăng

Biểu đồ 3: Tỷ giá danh nghĩa khá ổn định



Nguồn: SBV và WB, cập nhật bởi BSI

trường trong ngắn hạn nhưng nếu kéo dài sẽ làm gia tăng những rủi ro tài khóa và tài chính trong trung hạn.

Đà tăng trưởng chững lại nhưng sức cầu trong nước vẫn vững mạnh do chính sách tài khóa, tiền tệ và tín dụng mở rộng

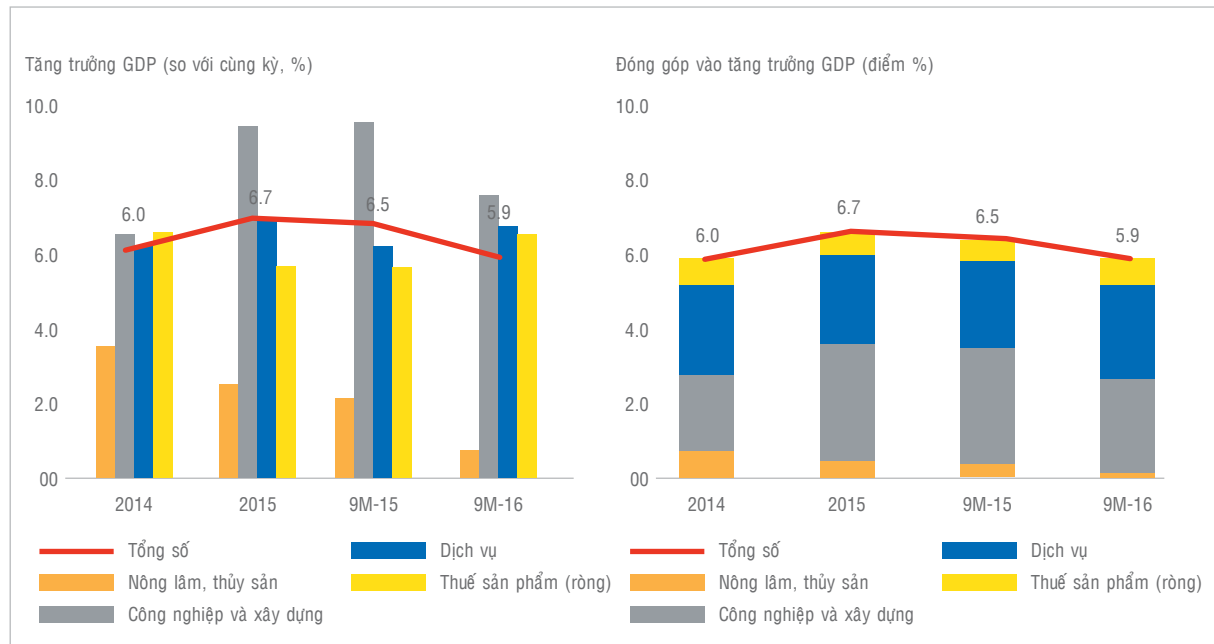
Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều thách thức, kinh tế Việt Nam vẫn chứng tỏ sức dẻo dai nhờ lực cầu mạnh trong nước và kết quả khả quan của các ngành sản xuất, chế biến định hướng xuất khẩu. Dữ liệu trong ba quý đầu năm cho thấy tăng trưởng GDP của Việt Nam 2016 đạt mức 5,9% (so với cùng kỳ năm trước). Về sản xuất, ngành nông nghiệp và khai khoáng có sự suy giảm, nhưng lại được bù đắp bằng tăng trưởng tuy chưa cao nhưng ổn định trong các ngành sản xuất chế tạo chế biến, xây dựng và dịch vụ (biểu đồ 4). Về cầu, sức cầu trong nước vẫn vững mạnh do chính sách tài khóa, tiền tệ và tín dụng mở rộng. Tăng trưởng đầu tư theo thể đi lên do đầu tư công được duy trì, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và tăng trưởng tín dụng mạnh. Trong khi đó, tiêu dùng ở khu vực công và tư nhân cũng

được đẩy mạnh, do tăng lương ở khu vực công làm tăng thu nhập thực và do duy trì được lòng tin của người tiêu dùng.

Sản xuất công nghiệp vẫn đóng vai trò chính trong tăng trưởng, nhưng đã giảm đà do sản lượng dầu thô bị cắt giảm và sức cầu bên ngoài đi xuống

Về tổng thể, giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp và xây dựng tăng 7,5% (so với cùng kỳ năm trước) trong chín tháng đầu năm nay. Mặc dù vẫn thấp hơn tốc độ tăng trưởng 9,9% cùng kỳ năm trước nhưng công nghiệp vẫn đóng góp được khoảng một nửa tổng mức tăng trưởng GDP năm nay. Sản lượng ngành khai khoáng giảm mạnh ở mức 7,1% trong ba quý đầu năm, chủ yếu do cắt giảm sản lượng dầu thô vì giá dầu trên toàn cầu vẫn thấp. Tuy nhiên, số này lại được bù đắp do duy trì được kết quả của các ngành chế tạo và chế biến theo định hướng xuất khẩu, chủ yếu trong khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và hoạt động xây dựng được hưởng lợi nhờ ngành bất động sản được phục hồi và nguồn tín dụng dồi dào.

Biểu đồ 4: Đà tăng trưởng chững lại



Nguồn: Tổng cục Thống kê, cập nhật bởi BSI

Sức cầu trong nước vẫn được cải thiện do đầu tư và tiêu dùng tăng lên

Tiêu dùng cuối cùng và tích lũy tài sản dự kiến đóng góp lần lượt ở mức 4,3 và 1,7 điểm phần trăm cho tổng tăng trưởng GDP năm 2016 (biểu đồ 5). Trong chín tháng đầu năm 2016, đầu tư tăng 9,6% (so với cùng kỳ năm trước) theo giá hiện hành nâng tổng đầu tư toàn xã hội nên khoảng 33% GDP. Giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở Việt Nam tăng 12,4% (so với cùng kỳ năm trước) đóng góp đến gần một phần tư tổng mức đầu tư ở Việt Nam. Bên cạnh đó, đầu tư công vẫn được duy trì ở mức cao, đóng góp khoảng 38% tổng đầu tư toàn xã hội, còn đầu tư của tư nhân trong nước lại được hỗ trợ do nguồn tín dụng ngân hàng dồi dào. Do thu nhập thực tăng lên và lạm phát vẫn thấp, doanh số bán lẻ tăng mạnh ở mức 9,5%, cho thấy tốc độ tăng trưởng tiêu dùng cũng ở mức cao.

Chỉ số giá tiêu dùng tăng lên về cuối năm

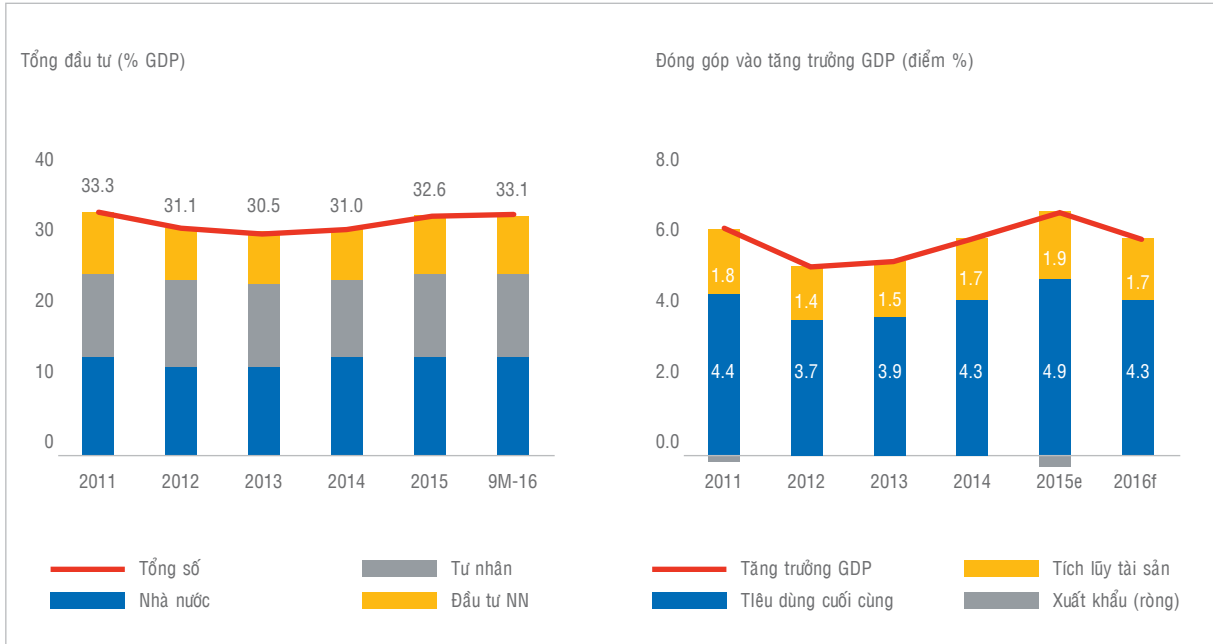
Mặc dù lạm phát cơ bản vẫn ở mức thấp, chỉ số giá tiêu dùng đã tăng lên trong những tháng gần đây sau một loạt

quyết định tăng giá hàng hóa và dịch vụ do nhà nước quản lý, chủ yếu trong nhóm y tế và giáo dục. Chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,1% (so với cùng kỳ năm trước) vào tháng 10/2016, so với mức 0,6% vào tháng 12/2015 (biểu đồ 6). Điều chỉnh giá dịch vụ y tế và giáo dục đã chiếm khoảng 67% mức tăng chỉ số giá tiêu dùng kể từ đầu năm. Với nỗ lực hướng tới tính đúng tính đủ, chỉ số giá các dịch vụ chăm sóc y tế và giáo dục đã tăng mạnh ở mức lần lượt là 46,8% và 10,9% (so với cùng kỳ) vào tháng 10/2016 sau đợt điều chỉnh viện phí cho dịch vụ chăm sóc y tế, giá thuốc và học phí. Bên cạnh đó, đợt hạn hán và sụt giảm sản xuất nông nghiệp cũng gây áp lực cho giá lương thực thực phẩm, đặc biệt trong nửa đầu của năm với mức tăng từ 1% vào tháng 12/2015 lên 2,6% tháng 10/2016.

Dòng ngoại tệ mạnh mẽ do thặng dư cán cân thanh toán

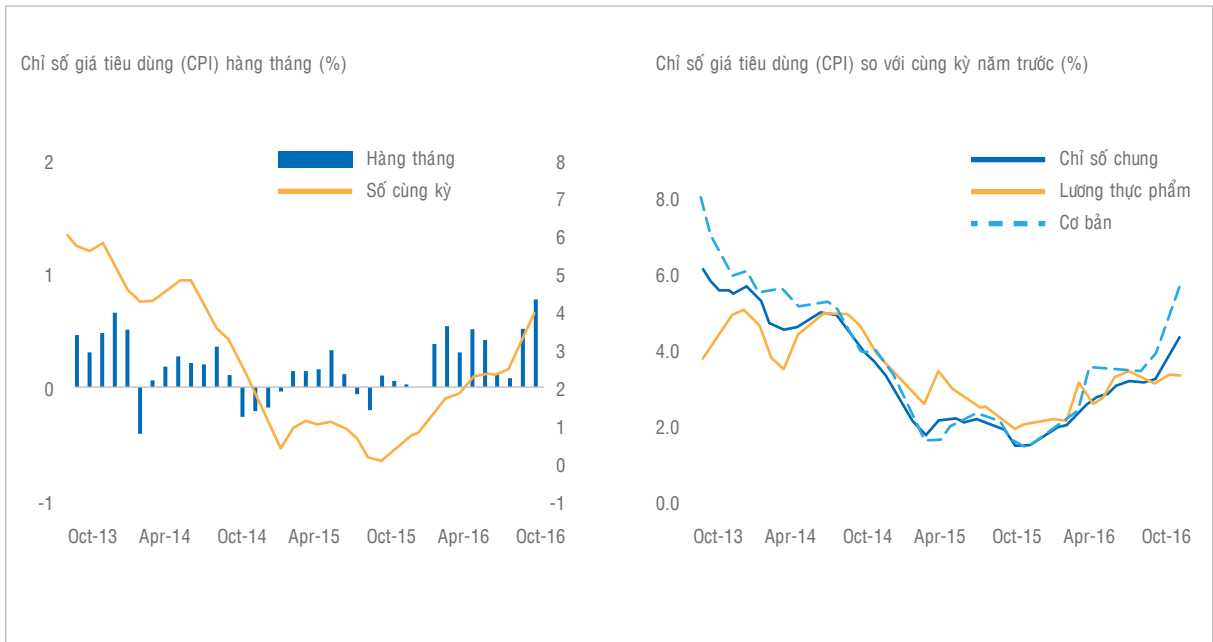
Chính sách tiền tệ trong năm được gián tiếp nối lỏng do các biện pháp trung hòa chưa thực sự triệt để từ quá trình tích lũy ngoại tệ. Dòng ngoại tệ mạnh mẽ do thặng dư cán cân thanh toán đã giúp NHNN tăng dự trữ ngoại hối. Một lượng

Biểu đồ 5: Cấu nội đóng góp cho tăng trưởng



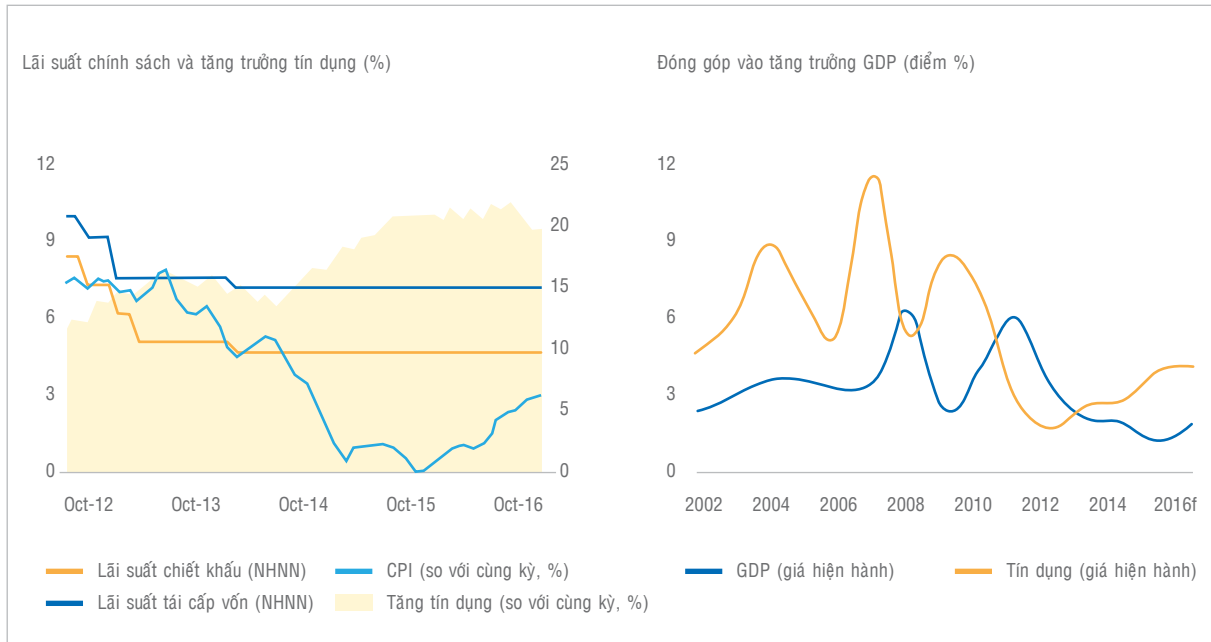
Nguồn: Tổng cục Thống kê, cập nhật bởi BSI

Biểu đồ 6: Chỉ số giá tiêu dùng



Nguồn: Tổng cục Thống kê, cập nhật bởi BSI

Biểu đồ 7: Biến động của tăng trưởng, lạm phát và tín dụng



Nguồn: SBV và Tổng cục Thống kê, cập nhật bởi BSI

lớn ngoại tệ được tích lũy mà chưa được trung hòa triệt để dẫn đến nguồn thanh khoản nội tệ dồi dào, lãi suất liên ngân hàng ngắn hạn giảm xuống dưới 1%, chênh lệch lớn so với lãi suất chính sách chính thức. Mặc dù áp lực lạm phát vẫn ở mức thấp, nhưng việc chính sách tiền tệ mở rộng trong thời gian dài sẽ gây áp lực lên giá cả tài sản, từ đó kích hoạt áp lực lạm phát về lâu dài.

Tăng trưởng tín dụng vẫn ở mức cao - lo ngại tăng rủi ro đối với ổn định tài chính trong trung hạn

Để theo đuổi chỉ tiêu chính thức về tăng trưởng tín dụng, Ngân hàng Nhà nước đã phải nới lỏng chính sách cẩn trọng vĩ mô, bao gồm điều chỉnh trọng số rủi ro và hệ số vốn vay dài hạn trên tiền gửi ngắn hạn, làm tăng thanh khoản để hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng là 19% (so với cùng kỳ năm trước) vào tháng 10/2016. Tăng trưởng tín dụng cao - gấp gần ba lần so với tốc độ tăng trưởng GDP (biểu đồ 7) - có thể làm tăng những rủi ro hiện hữu về ổn định tài chính, đặc biệt với tỷ lệ tín dụng trên GDP - hiện ở mức 112% - vốn đã cao cho quốc gia ở mức thu nhập như

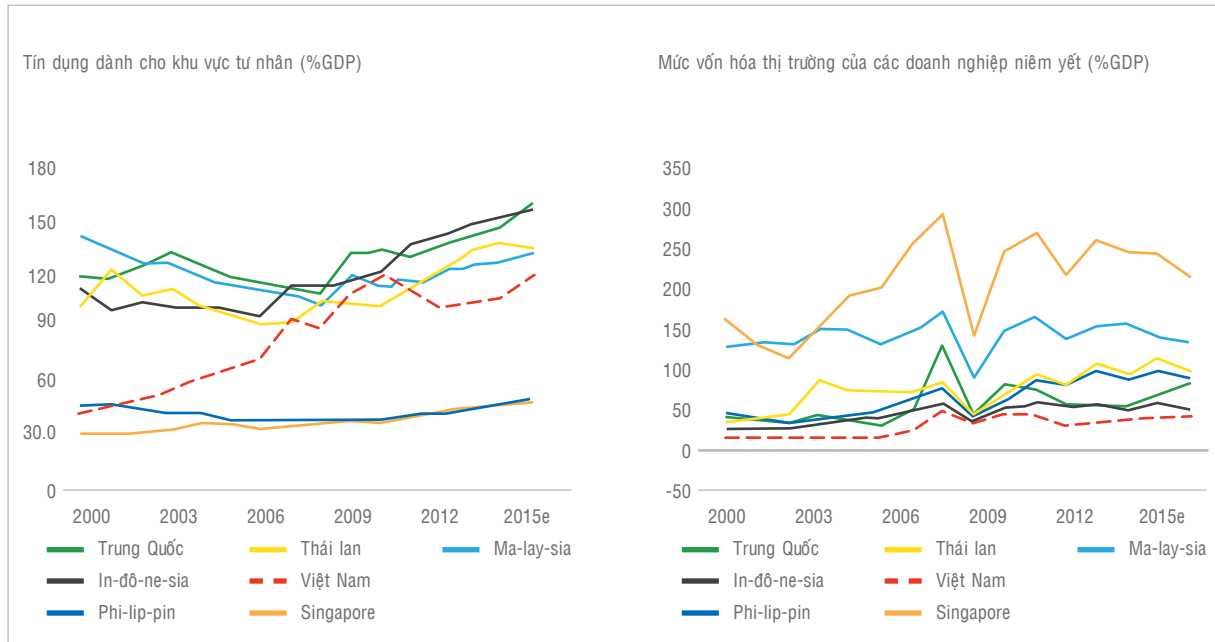
Việt Nam (biểu đồ 8). Những quan ngại trên là có cơ sở trong điều kiện các món nợ xấu trước đây vẫn chưa được xử lý triệt để và vẫn đang tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình tài chính của nhiều ngân hàng. Một vấn đề cần quan tâm nữa là dung lượng tín dụng cho tăng trưởng dường như đang bị đẩy lên do lượng tín dụng tăng nhanh nhưng lại tạo ra mức tăng trưởng kinh tế không cao như dự kiến.

Chính phủ tiếp tục cam kết giảm bội chi và ngày càng chú trọng đến củng cố ngân sách

Chính phủ tiếp tục cam kết giảm bội chi ngân sách trong trung hạn nhằm kiểm chế tốc độ tỷ lệ nợ công trên GDP. Kế hoạch tài chính trung hạn 2016 - 2020, được Quốc hội thông qua ngày 9 tháng 11 năm 2016, cho thấy dự kiến từng bước điều chỉnh ngân sách trong bốn năm tiếp theo. Kế hoạch đã xác định mục tiêu giảm bội chi ngân sách xuống 3,5% GDP vào năm 2020.

Đồng thời, chính phủ ngày càng chú trọng đến củng cố chi ngân sách. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 22/CTTTg, tháng 6/2016, về tăng cường triển khai các

Biểu đồ 8: Vốn vay ngân hàng và thị trường chứng khoán



Nguồn: SBV và Tổng cục Thống kê, cập nhật bởi BSI

nhệm vụ tài chính và ngân sách nhà nước năm 2016. Theo đó, tăng cường hiệu quả và hiệu suất đầu tư công là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất để củng cố chi đầu tư. Bên cạnh đó cũng cần phải có các biện pháp kiên quyết nhằm ổn định và hợp lý hóa chi thường xuyên. Về ngân sách đầu tư, chú trọng hiện nay là phải hoàn thành các dự án dở dang; dự án mới chỉ được phê duyệt trong các trường hợp ngoại lệ. Về chi đầu tư, quy định hiện nay thắt chặt chi tiêu dựa trên số thu có được thay vì dựa trên kế hoạch trong ngân sách gốc.

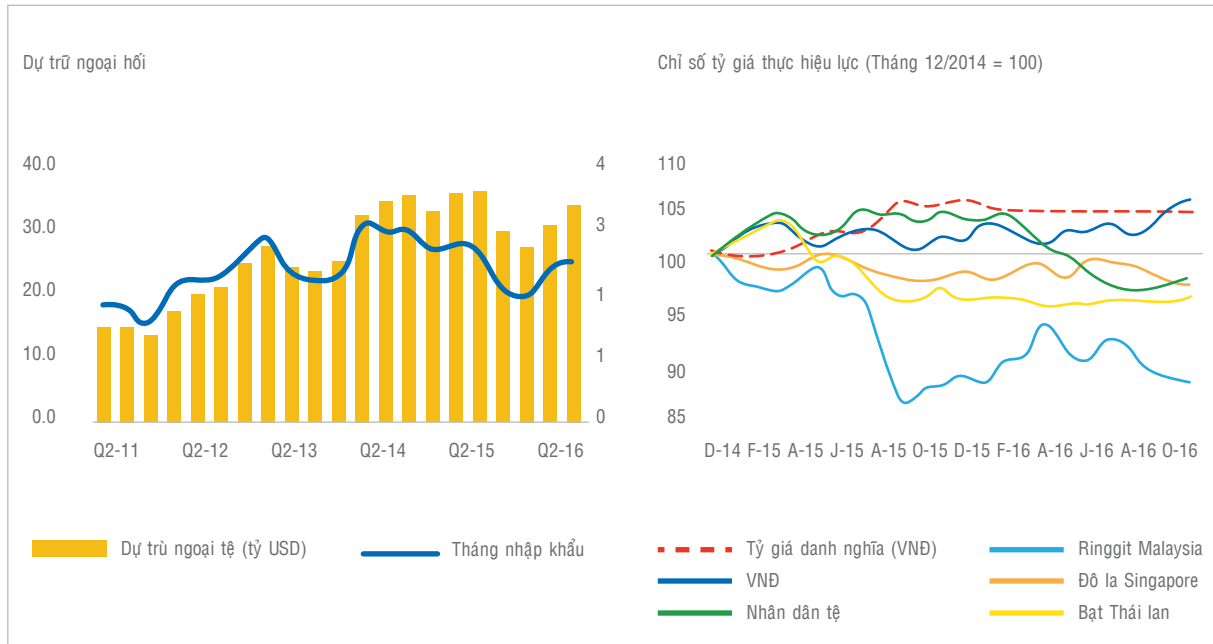
Củng cố kinh tế đối ngoại trong điều kiện sức cầu trên thế giới còn yếu

Tình hình kinh tế đối ngoại của Việt Nam tiếp tục được cải thiện nhờ thặng dư tài khoản vãng lai và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng mạnh. Cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam ghi nhận mức thặng dư tăng cao vào năm 2016 sau khi tăng trưởng nhập khẩu giảm ở mức lớn hơn suy giảm về xuất khẩu. Mặc dù số lợi nhuận và cổ tức bị chuyển ra nước ngoài tiếp tục tăng lên do khu vực đầu tư trực tiếp

nước ngoài (FDI) của Việt Nam rất lớn, nhưng số này phần nào được bù đắp bởi dòng kiều hối và tổng thặng dư tài khoản vãng lai tăng lên trong những tháng đầu năm. Thặng dư tài khoản vốn tiếp tục ở mức cao do dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn ổn định và Việt Nam vẫn tiếp tục được tiếp cận các nguồn vốn có tính chất ưu đãi. Tình trạng cán cân thanh toán được cải thiện đã tạo điều kiện để NHNN ổn định tỷ giá danh nghĩa và nâng dự trữ ngoại hối lên khoảng 2,6 tháng nhập khẩu vào cuối quý 2, 2016. Tuy nhiên, tốc độ mất giá danh nghĩa tương đối chậm của đồng nội tệ dẫn đến tỷ giá thực hiệu lực (REER) tăng 5,4% kể từ đầu năm 2015. Xu hướng tỷ giá trên đi ngược với hầu hết các đồng tiền trong khu vực bị mất giá thực ở mức từ 3% đến 13% trong cùng kỳ. Tình trạng này về lâu về dài có thể ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh xuất khẩu của Việt Nam (biểu đồ 9).

Xuất khẩu có chứng lại nhưng Việt Nam vẫn có được kết quả ấn tượng so với nhiều quốc gia trong khu vực
Tăng trưởng xuất khẩu phần nào đã chứng lại trong mười

Biểu đồ 9: Dự trữ ngoại hối và tỷ giá



Nguồn: SBV và World Bank, cập nhật bởi BSI

tháng đầu năm 2016. Tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam ước tính chỉ tăng 7% so với cùng kỳ trong mười tháng đầu năm 2016, chủ yếu do giá xuất khẩu hàng hóa thô ở mức thấp và sức cầu bên ngoài còn yếu. Giá dầu vẫn ở mức thấp khiến cho kim ngạch xuất khẩu dầu thô giảm 17% còn sản lượng xuất khẩu giảm 22%. Xuất khẩu gạo chững lại nhưng được bù đắp do xuất khẩu rau quả, cà phê, hồ tiêu, hạt điều, cao su và hải sản tăng lên. Kim ngạch xuất khẩu rau quả tăng 31% (so với cùng kỳ năm trước) đạt 2 tỷ USD trong mười tháng đầu năm 2016, vượt qua kim ngạch xuất khẩu gạo (1,88 tỷ USD), và dầu thô (1,92 tỷ USD). Bên cạnh đó, cầu bên ngoài yếu đi cũng ảnh hưởng đến tăng trưởng xuất khẩu. Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu của các ngành chế tạo, chế biến sử dụng nhiều lao động như may mặc, giày da, điện thoại và máy tính tiếp tục tăng trưởng, nhưng ở mức thấp hơn so với năm trước. Mặc dù vậy, tỷ trọng các mặt hàng chế tạo chế biến trong kim ngạch xuất khẩu tiếp tục tăng lên nhờ đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm (biểu đồ 10).

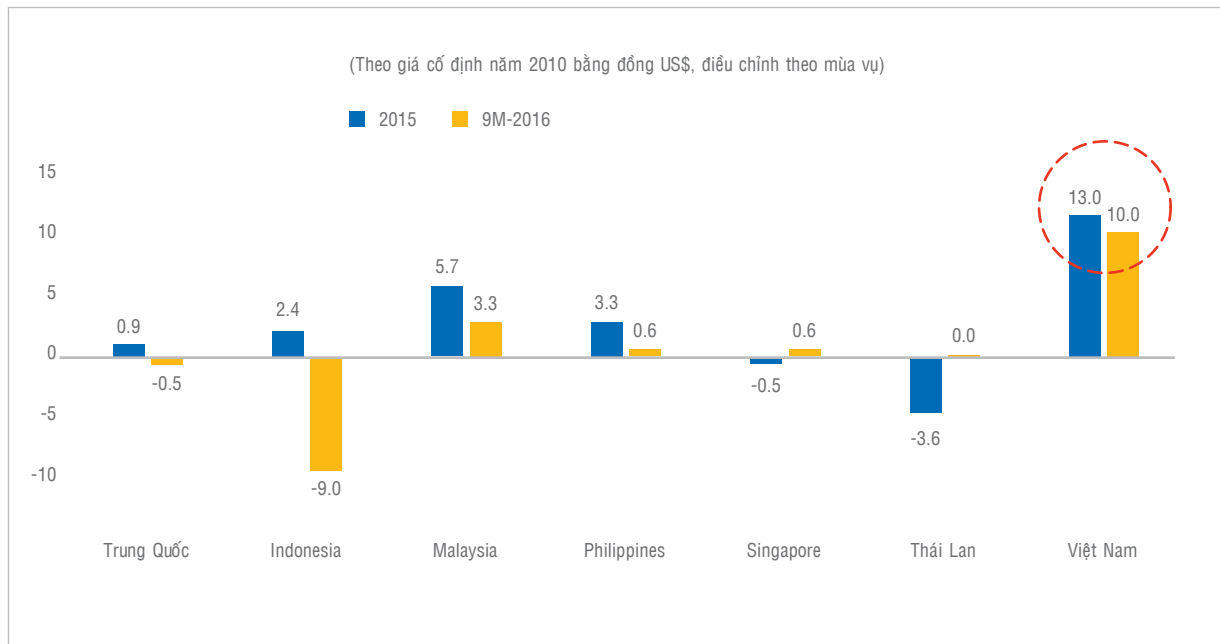
Tiếp tục triển khai cải cách để cải thiện môi trường kinh doanh

Việt Nam cũng đang có những tiến triển về cải thiện môi trường kinh doanh. Sau khi Nghị quyết số 19/2014 và Nghị quyết số 19/2015 được thông qua, một số khía cạnh về môi trường kinh doanh đã được cải thiện. Kết quả là Việt Nam được nâng hạng trong chỉ số môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới từ thứ 91 (trên 189 quốc gia) năm 2011 lên thứ 82 (trên 190 quốc gia) trong báo cáo môi trường kinh doanh 2017 vừa ban hành. Mặc dù vậy, Việt Nam vẫn đứng sau các nền kinh tế phát triển hơn trong khu vực như Singapore, Malaysia và Thailand.

Kế hoạch tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 được Quốc hội thông qua tháng 11/2016 tái khẳng định những ưu tiên cải cách cơ cấu quan trọng của Chính phủ trong 5 năm tới

Trong đó, đặc biệt là tái cơ cấu thị trường tài chính - trọng tâm là tái cơ cấu các tổ chức tín dụng và thị trường chứng khoán. Mục tiêu tổng quát nhằm hoàn tất cơ bản tái cơ cấu

Biểu đồ 10: Tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa của các quốc gia đang phát triển Đông Á - Thái Bình Dương



Nguồn: Tổng cục Hải quan, cập nhật bởi BSI

các tổ chức tín dụng, giảm mạnh rủi ro hệ thống và tăng cường độ rộng và hiệu quả hoạt động của thị trường tài chính. Ba mục tiêu quan trọng trong nội dung này gồm: (i) hoàn thiện khuôn khổ pháp lý tiền tệ, ngân hàng; (ii) đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu và áp dụng tiêu chuẩn Basel II tại các tổ chức tín dụng; (iii) mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu và thị trường bảo hiểm.

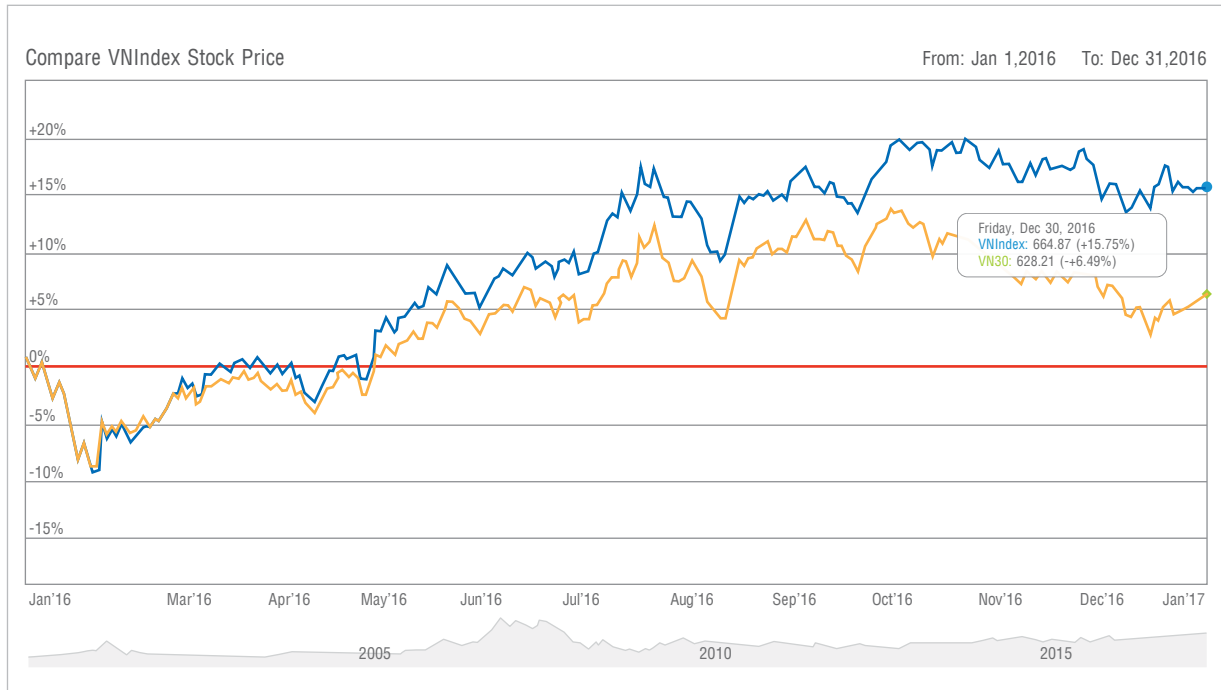
NHỮNG DẤU ẤN CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2016

Những biến động mạnh trên các thị trường tài chính tiền tệ toàn cầu ngay trong tháng đầu năm 2016 đã báo hiệu một năm nhiều sóng gió và bất ngờ trên thị trường thế giới. Nước Anh chia tay Liên minh châu Âu (EU) hay còn gọi là Brexit; nguy cơ suy thoái của kinh tế Trung Quốc - đồng Yuan mất giá; sự bùng nổ của công nghệ khai thác dầu đá phiến cộng thêm việc các nước OPEC chưa đạt được sự đồng thuận về chính sách khai thác dầu mỏ đã góp phần đẩy giá dầu thô lao dốc; ông Donald Trump chiến thắng trong cuộc bầu cử

Tổng thống Mỹ; BOJ đã khiến cả thế giới ngỡ ngàng với việc tung ra chính sách lãi suất âm. Những biến động trên đã khiến thị trường tài chính liên tục dậy sóng.

Mặc dù chịu nhiều tác động bởi tình hình thế giới trong năm 2016, TTCK Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tốt và được đánh giá là 1 trong 5 thị trường có mức tăng trưởng cao nhất tại khu vực Đông Nam Á. Chỉ số VN Index tăng 15,75% (*biểu đồ 11*), HNX Index tăng 0,84% (*biểu đồ 12*); mức vốn hóa thị trường đạt 1.765 nghìn tỷ đồng, tương đương 42% GDP, tăng 30%. Thanh khoản cải thiện mạnh, quy mô giao dịch bình quân đạt 6.860 tỷ đồng/phiên, tăng 39% so với cuối năm 2015. Về hoạt động niêm yết, đăng ký giao dịch, trên thị trường có 695 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và 377 cổ phiếu đăng ký giao dịch. Tổng giá trị niêm yết đạt 712 nghìn tỷ đồng (tăng 22%) và 590 mã trái phiếu với tổng giá trị niêm yết là 934 nghìn tỷ đồng (tăng 22,5%). Tổng mức huy động trên thị trường chứng khoán ước đạt 348 nghìn tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ năm 2015. Huy động qua cổ phần hóa thoái vốn 11 tháng đầu năm 2016 đạt gần 8,1 nghìn tỷ đồng, tăng 46%; với tỷ lệ

Biểu đồ 11: Diễn biến VN Index năm 2016



Nguồn: BSI

thành công tăng từ 40% lên 64%. Về hoạt động đầu tư, số lượng tài khoản nhà đầu tư đạt khoảng 1,67 triệu tài khoản, tăng 6% so với cuối năm 2015. Trong 10 tháng đầu năm, dòng vốn nước ngoài vào ròng với giá trị cao nhất 5 năm qua. Giá trị danh mục liên tục gia tăng, đạt 17,3 tỷ USD vào cuối tháng 10/2016 (tăng 18% so với cuối năm 2015).

Khởi động Thị trường Chứng khoán Phái sinh

Ngày 16/3/2016, HNX và VSD tổ chức công bố mô hình và kế hoạch phát triển hệ thống giao dịch và bù trừ thanh toán chứng khoán phái sinh. Mở đường bằng Nghị định 42/2015/NĐ-CP, tiếp đó được chi tiết hóa bằng Thông tư 11/2016/TT-BTC, khung pháp lý cho TTCK phái sinh cơ bản được hoàn thiện. Tính tới cuối năm 2016, các khâu chuẩn bị về cơ bản đã được hoàn thiện, sẵn sàng cho cho TTCK phái sinh chính thức vận hành vào năm 2017.

Sự hiện diện của thị trường chứng khoán phái sinh được xem như một dấu ấn quan trọng trong lộ trình hoàn thiện cấu trúc của TTCK Việt Nam, góp phần hoàn thiện cơ cấu hàng hóa trên thị trường tài chính và giúp hỗ trợ đa dạng hóa danh

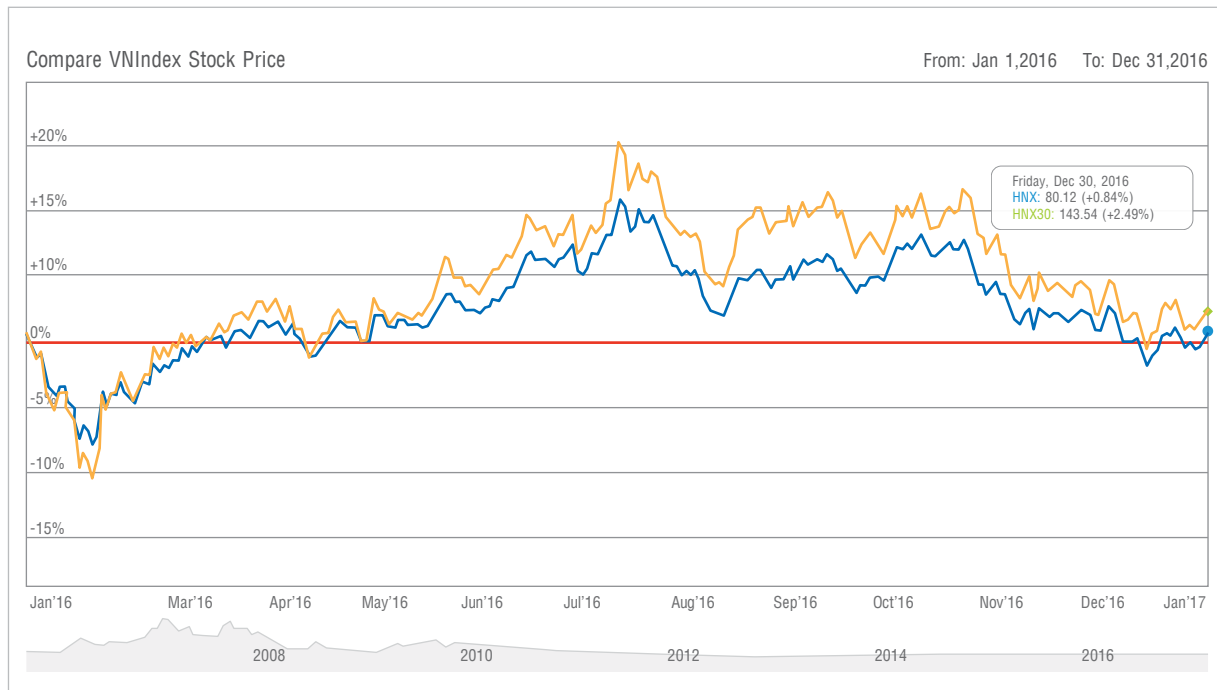
mục đầu tư, cung cấp công cụ phòng ngừa rủi ro và đáp ứng nhu cầu ngày một nhiều đối với các sản phẩm tài chính bậc cao.

Đột phá quy chế giao dịch cổ phiếu trên HOSE và HNX

Kể từ ngày 12/9/2016 nhà đầu tư được phép đặt lệnh tối đa mua/bán cổ phiếu trên sàn TP HCM (HOSE) tối nửa triệu đơn vị, tức 500.000 đơn vị thay cho mức hiện tại là 19.990 đơn vị. Các bước giá đặt lệnh cũng được áp dụng quy định mới là 10 đồng đối với cổ phiếu có thị giá dưới 10.000 đồng, 50 đồng đối với cổ phiếu có thị giá từ 10.000 đến 49.950 đồng và 100 đồng đối với cổ phiếu có thị giá từ 50.000 đồng trở lên. Những thay đổi về quy chế giao dịch nêu trên được xem là bước đột phá cho HOSE nhằm thu hút nhà đầu tư tăng cường giao dịch hàng ngày (ngắn hạn), đồng thời chuẩn bị cho việc thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam cũng như đưa thông lệ giao dịch của Việt Nam phù hợp với các qui chuẩn giao dịch thị trường chứng khoán các nước Asean và thế giới.

Tương tự, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban

Biểu đồ 12: Diễn biến HNX Index năm 2016



Nguồn: BSI

hành Quy chế giao dịch chứng khoán mới có hiệu lực thi hành từ 12/09/2016 và thay thế Quyết định số 345/QĐ-SGDHN ngày 29/07/2013. Theo đó, đối tượng áp dụng trong quy chế mới có chứng chỉ quỹ ETF để thay cho trái phiếu theo quy chế trước đây. Mặt khác, quy chế mới cũng có một vài thay đổi như trong phiên khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa (ATC), không được phép sửa, hủy các lệnh LO, ATC (bao gồm cả các lệnh LO được chuyển từ phiên khớp lệnh liên tục sang). Trong khi quy định cũ là không được phép sửa nhưng được phép hủy lệnh trong phiên khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa. Đơn vị yết giá vẫn giữ nguyên 100 đồng với giao dịch cổ phiếu nhưng có thay đổi là giao dịch thỏa thuận cũng có đơn vị yết giá là 1 đồng và chứng chỉ quỹ ETF cũng là 1 đồng (trước đây không quy định cho giao dịch thỏa thuận cũng như chứng chỉ quỹ ETF). Ngoài ra, quy chế mới cũng có quy định về biên độ dao động giá đối với trường hợp trả cổ tức/ thưởng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu trong ngày giao dịch không hưởng quyền là 30% so với giá tham chiếu.

Mở ra lộ trình hợp nhất 2 Sở giao dịch Chứng khoán

Ngày 24/10/2016, chỉ số VNX Allshare đã chính thức vận hành và là chỉ số cơ sở đầu tiên kết nối hai sàn niêm yết hiện nay (HSX và HNX). Đây là một trong những dấu mốc quan trọng trên con đường hợp nhất hai Sở Giao dịch chứng khoán tại Việt Nam.

Việc ra đời chỉ số chung VNX Allshare được giới đầu tư trong và ngoài nước đánh giá cao, bởi từ trước đến nay, hai Sở Giao dịch chứng khoán tại Việt Nam vận hành những bộ chỉ số độc lập. Việc hợp nhất hai Sở thành Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam sẽ giúp thị trường được tổ chức thống nhất, nâng quy mô vốn hóa toàn thị trường niêm yết tại Việt Nam và là một trong những yếu tố thuận lợi trên con đường nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ mức cận biên lên mới nổi.

Rút ngắn thời gian từ IPO đến niêm yết trên sàn chứng khoán

Thông tư số 115/2016/TT-BTC chính thức có hiệu lực Ngày 01/11/2016. Theo đó, chỉ sau khoảng 20 ngày làm việc kể

từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần qua đấu giá, nhà đầu tư mua cổ phần qua đấu giá đã có thể giao dịch cổ phần trên thị trường UPCOM. Như vậy, con đường từ hậu IPO đến sàn chứng khoán đã được rút ngắn rất nhiều so với mức 90 ngày như đã quy định trước đây.

Cùng với việc cải tiến về thủ tục hành chính giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian lên sàn chứng khoán, các chế tài cưỡng chế đối với việc chây ì lên sàn chứng khoán hậu IPO đã được sửa đổi theo hướng nghiêm khắc hơn. Khung phạt đối với hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng ảnh hưởng đến quyền lợi của cổ đông, đến tính minh bạch trong hoạt động và quản trị của công ty đại chúng tăng cao trong đó cao nhất là phạt tiền 400 triệu đồng đối với hành vi “chậm lên sàn” trên 12 tháng.

Kỷ niệm 20 năm ra đời ngành Chứng khoán

Ngày 28/11/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm ra đời ngành Chứng khoán. Sau 20 năm, Việt Nam đã xây dựng được một thị trường chứng khoán vận hành suôn sẻ, gồm các Sở GDCK (HSX và HNX), với trên

1.000 doanh nghiệp đại chúng đưa cổ phiếu vào giao dịch tập trung, quy mô vốn hóa cổ phiếu niêm yết trên 70 tỉ USD, thu hút 1,6 triệu nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trong suốt hai thập kỷ qua, thị trường chứng khoán Việt Nam đã huy động trên 2 triệu tỷ đồng vốn cho đầu tư phát triển doanh nghiệp và đất nước. Khoảng 4.000 doanh nghiệp đã thực hiện bán đấu giá công khai cổ phần ra công chúng thông qua thị trường chứng khoán Việt Nam.

DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2017

Viễn cảnh kinh tế toàn cầu năm 2017: Tăng trưởng chậm, không phải trì trệ

Cả IMF và WB (trong Báo cáo viễn cảnh kinh tế toàn cầu - công bố ngày 10/01/2017) đều lo ngại những rủi ro về chính trị và tài chính kéo dài; cuộc chiến tại Syria; tài chính bất ổn; chủ nghĩa bảo hộ và biến đổi khí hậu, đang nổi lên, nhất là những thiệt hại của Brexit ở Châu Âu và việc ông Trump lên cầm quyền tại Mỹ là những tác nhân chính khiến kinh tế thế giới chưa vượt qua giai đoạn trì trệ. Cụ thể hơn, WB dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ tăng nhẹ và đạt mức 2,7% trong năm 2017 sau khi nằm ở mức thấp trong thời kỳ hậu khủng hoảng trong năm qua.

Cũng theo WB, tăng trưởng tại các nền kinh tế phát triển dự kiến sẽ tăng và đạt mức 1,8% trong năm 2017. Kích thích tài khoá tại các nền kinh tế lớn - nhất là tại Mỹ - sẽ đẩy nhanh tăng trưởng trong nước và toàn cầu cao hơn dự kiến mặc dù bảo hộ mậu dịch có thể gây nên tác động tiêu cực. Tỷ lệ tăng trưởng chung của thị trường mới nổi và các nước đang phát triển dự kiến đạt 4,2% trong năm nay, cao hơn mức 3,4% năm ngoái trong bối cảnh giá cả hàng nguyên vật liệu tăng nhẹ. Tuy nhiên, viễn cảnh chung này vẫn có thể bị ảnh hưởng bởi định hướng chính sách chưa rõ ràng tại các nền kinh tế lớn. Tình trạng này nếu còn tồn tại lâu cũng sẽ kéo dài thời kỳ đầu tư thấp tại tất cả các nền kinh tế thu nhập thấp, trung bình và cao. Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng đầu tư sẽ suy giảm một phần do thực hiện điều chỉnh từ mức đầu tư cao trước khi xảy ra khủng hoảng, nhưng phần nào cũng phản ánh một số yếu tố tiêu cực tại thị trường mới nổi và các nước đang phát triển, trong đó phải kể đến giá dầu thấp (đối với các nước xuất khẩu dầu), đầu tư nước ngoài chậm lại (đối với các nước nhập hàng hoá nguyên vật liệu) và trên bình diện rộng hơn, đó là tình trạng nợ tư nhân và rủi ro chính trị.

Đáng lưu ý, xu thế toàn cầu hoá từ những năm đầu thế kỷ 21 có thể sẽ bị đình lại ở Châu Âu và Mỹ - 2 trong 3 trung tâm kinh tế của thế giới - khiến tăng trưởng thương mại toàn

cầu bị chững lại, thậm chí thụt lùi. Kéo theo đó là sự huỷ hoại những nấc thang phát triển và tạo cơ sở cho các cuộc xung đột chính trị, sự suy yếu của các nền kinh tế đang phát triển; các quan hệ hợp tác quốc tế và những thỏa thuận về biến đổi khí hậu cũng sẽ chuyển biến theo hướng bất lợi. Sự biến động của quá trình cấu trúc lại trật tự thế giới mới về kinh tế trong thế kỷ XXI là nguyên nhân chủ đạo khiến giới phân tích cho rằng kinh tế - tài chính toàn cầu năm 2016 và cả năm 2017 vẫn tiếp tục bất ổn, còn nhiều yếu tố rủi ro tiềm ẩn. An ninh kinh tế toàn cầu đang chịu tác động mạnh của xu hướng chống toàn cầu hóa và bảo hộ mậu dịch ở Mỹ và châu Âu khiến cho bức tranh kinh tế - tài chính toàn cầu tiếp tục âm ảm với nhiều biến số khó lường không chỉ trong năm 2017 mà còn cả trong năm 2018.

Triển vọng trung hạn của kinh tế Việt Nam là tích cực nhờ tăng tiêu dùng cá nhân và đầu tư

Năm 2017, tăng trưởng kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ có nhiều khởi sắc hơn khi độ trễ của các chính sách điều hành kích thích tăng trưởng 2016 phát huy tác dụng. Những yếu tố quan trọng có thể khuyến khích thúc đẩy hoạt động sản xuất và xuất khẩu cho các doanh nghiệp Việt Nam năm 2017 như: việc thực hiện các hiệp định thương mại với lộ trình cắt giảm thuế quan sâu rộng hơn với nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam; sự cải thiện về môi trường kinh doanh (thực hiện Nghị quyết 19 về cải cách môi trường kinh doanh), việc thông qua Luật Quy hoạch, Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa vào tháng 05/2017 và nhiều chính sách cải cách quan trọng thực thi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư đi vào cuộc sống sẽ là những yếu tố quan trọng, tạo niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp phát triển.

GDP tiếp tục được hỗ trợ bằng sức cầu mạnh trong nước, phần nào phản ánh tăng trưởng tốt về đầu tư và tiêu dùng tư nhân. Với kỳ vọng kinh tế toàn cầu đi lên, viễn cảnh tăng trưởng của Việt Nam có thể được nâng lên tới 6,3% trong các năm 2017 - 2018. Lạm phát dự kiến sẽ tăng nhẹ trong

quý cuối của năm do kế hoạch tăng giá chính sách, tác động bất lợi của thời tiết đối với giá lương thực thực phẩm, các yếu tố mùa vụ cuối năm, và lạm phát cuối năm sẽ ở mức 4,9%. Thặng dư tài khoản vãng lai dự kiến sẽ được nâng lên chủ yếu nhờ cải thiện về cán cân thương mại. Cán đối ngân sách tiếp tục phải chịu áp lực với mức điều chỉnh tương đối nhỏ trong năm. Bộ chi ngân sách dự kiến vẫn ở mức cao khoảng 6% GDP trong năm nay.

Tuy nhiên, triển vọng trong trung hạn còn phụ thuộc vào một số rủi ro bất lợi. Nhìn từ trong nước, chuyển đổi cơ cấu nếu bị triển khai chậm trễ sẽ làm yếu đi viễn cảnh tăng trưởng trong trung hạn vì mô hình hiện nay (dựa vào tích lũy các yếu tố sản xuất và các chính sách kinh tế vĩ mô nói lỏng) cuối cùng sẽ chạm ngưỡng. Điều này lại càng đặt ra nhu cầu phải nói lỏng chính sách tài khóa và tiền tệ hơn nữa, gây tiềm ẩn rủi ro về áp lực lạm phát và đảo ngược những thành quả gần đây về ổn định kinh tế. Nhìn từ bên ngoài, nền kinh tế Việt Nam vẫn dễ bị tác động bởi nguy cơ suy giảm kinh tế toàn cầu thông qua các kênh thương mại và đầu tư. Tình hình thị trường tài chính chưa khởi sắc và lãi suất đang tăng cũng là những quan ngại khi Việt Nam đang có ý định tiếp cận các thị trường vốn quốc tế nhiều hơn để đáp ứng nhu cầu huy động vốn cho ngân sách trong trung hạn. Cuối cùng, tư tưởng bảo hộ và cụ thể là viễn cảnh về hiệp định TPP đã đóng lại có thể ảnh hưởng đến tương lai của Việt Nam trong điều kiện còn phụ thuộc nhiều về thương mại với thị trường Mỹ và kỳ vọng sẽ là bên hưởng lợi lớn qua hiệp định TPP.

TTCK Việt Nam được dự báo dự báo sẽ cải thiện về cả lượng và chất trong năm 2017, tiếp tục là điểm đến hấp dẫn nhà đầu tư - triển vọng dài hạn là tích cực

TTCK Việt Nam sẽ tiếp tục là một thị trường cận biên hấp dẫn nhà đầu tư. Một số những lý do để kỳ vọng Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ dòng vốn nước ngoài đó là: (1) ECB, BOJ và PBOC duy trì các chính sách nói lỏng tiền tệ; (2)

Lợi thế cạnh tranh của Việt Nam về nền chính trị ổn định, lạm phát và tỷ giá trong tầm kiểm soát; (3) Thị trường có khả năng phòng vệ tương đối tốt với các yếu tố bất ổn trên thế giới trong năm vừa qua.

Lượng cung hàng trên thị trường được sẽ cải thiện về cả lượng và chất trong năm 2017 dựa trên những định hướng rõ ràng và quyết liệt của chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cổ phần hóa và niêm yết các doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời, lộ trình triển khai thị trường chứng khoán phái sinh hứa hẹn đem lại nhiều sản phẩm mới cho thị trường. Mặc dù vẫn còn quá sớm để nói trước về mức độ đón nhận của nhà đầu tư với các sản phẩm hoàn toàn mới này. Tuy nhiên, các định hướng chuẩn bị về con người, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống pháp lý của các cơ quan nhà nước vẫn đang đi đúng hướng và hoàn toàn có thể được kỳ vọng trở thành điểm nhấn trong năm 2017. Bên cạnh đó, TTCK Việt Nam đang phải đối diện trước nhiều rủi ro hệ thống khó lường nằm ngoài tầm kiểm soát và khó có thể dự báo chính xác từ thị trường thế giới. Một số những yếu tố rủi ro đáng lưu ý đó là: (1) Lộ trình tăng lãi suất của FED và chính sách của tân Tổng thống Mỹ; (2) Các tác động tiêu cực từ Brexit khó có thể nhìn nhận hết và còn kéo dài - có thể sẽ kéo theo rủi ro tại các quốc gia khác có hành động tương tự ra khỏi EU; (3) Sự giảm tốc của nền kinh tế Trung Quốc và rủi ro đến từ đồng Nhân dân tệ tiếp tục bị hạ giá sẽ gây sức ép lên tỷ giá tiền Đồng.

Từ các yếu tố rủi ro tiềm ẩn của thị trường thế giới bên cạnh sự hỗ trợ từ các yếu tố dòng tiền hay nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định của Việt Nam như đã đề cập, TTCK Việt Nam được dự báo sẽ có cải thiện tích cực cả về điểm số và thanh khoản. Tuy nhiên trong quá trình đạt được điều đó, khả năng sẽ có những những dao động với biên độ rộng đòi hỏi sự linh hoạt ứng biến của nhà đầu tư xung quanh thời điểm có các biến động lớn trên thế giới cũng như trong nước.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2014	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
		2015	2016
Tổng tài sản	493.570.103.630	428.016.881.837	412.583.715.658
Vốn điều lệ	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
Số cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	40.000.000	40.000.000	40.000.000
Vốn chủ sở hữu	372.040.384.099	380.638.212.710	355.886.925.336

KẾT QUẢ KINH DOANH	2014	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
		2015	2016
Doanh thu thuần	26.815.669.075	63.652.462.389	72.720.616.435
Lợi nhuận gộp từ hoạt động	999.212.147	23.081.546.417	(15.605.482.582)
Lợi nhuận kinh doanh	-13.768.299.846	8.076.118.087	(26.158.133.173)
Lợi nhuận trước thuế	-13.954.042.107		(24.751.287.374)

CHỈ TIÊU KHÁC	2014	Đơn vị tính: %	
		2015	2016
Cơ cấu tài sản (%)			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	74.09	78.05	91.09
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	25.91	21.95	8.91
Cơ cấu nguồn vốn (%)			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	24.62	11.07	13.74
Nguồn vốn CSH/ Tổng tài sản	75.38	88.93	86.26

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN	2014	Đơn vị tính: %	
		2015	2016
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	-52.04	13.51	-34.04
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	-2.83	2.01	-5.99
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	-3.49	2.15	-6.19
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	-3.75	2.26	-6.95

TỔNG QUAN DỊCH VỤ

Sau gần 10 năm hoạt động và phát triển, BSI là một công ty chứng khoán chuyên nghiệp - có khả năng đáp ứng đầy đủ các dịch vụ theo quy định của nhà nước đối với công ty chứng khoán. Hiện nay, BSI đang cung cấp các nghiệp vụ và dịch vụ trọn gói sau:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Xác định giá trị doanh nghiệp
- Tự doanh chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

Mục tiêu của chúng tôi là luôn đồng hành với sự phát triển của thị trường tài chính, hỗ trợ tích cực cho nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân, cung cấp công cụ đầu tư tối ưu và đưa ra giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy sự phát triển và tạo thêm các giá trị gia tăng cho khách hàng.

Trong đó, đặc biệt là dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và môi giới đã tạo cho khách hàng sự hài lòng, tin tưởng và gắn bó chặt chẽ với công ty.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Môi giới

- Môi giới chứng khoán niêm yết/OTC.
- Môi giới/đầu thầu trái phiếu niêm yết/chưa niêm yết.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Tìm nguồn/thực hiện các giao dịch thỏa thuận.
- Dịch vụ báo giá cổ phiếu OTC.
- Quản lý sổ cổ đông cho cổ phiếu chưa niêm yết.

Lưu ký

- Quản lý tiền và chứng khoán.
- Lưu ký và chuyển khoản chứng khoán.
- Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.
- Phong tỏa và giải tỏa chứng khoán theo yêu cầu.
- Rút chứng khoán.
- Chuyển nhượng quyền mua chứng khoán.

Hỗ trợ vốn

- Giao dịch ký quỹ.
- Ứng trước tiền bán chứng khoán.
- Cầm cố chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết.
- Repo cổ phiếu.
- Repo trái phiếu chưa niêm yết.
- Thực hiện quyền, cổ tức và các thông tin có liên quan đến giao dịch ký quỹ.

IPO

- Đại lý đấu giá IPO.
- Tổ chức đấu giá tại công ty.
- Bảo lãnh phát hành.
- Dịch vụ tư vấn đấu giá cổ phần.
- Ủy thác đấu giá mua chứng khoán phát hành lần đầu.

Hỗ trợ giao dịch

- Dịch vụ đặt lệnh qua điện thoại (B-Mobile), trực tuyến (B-Pro, B-Web) nhanh chóng, tiện lợi, an toàn.
- Tra cứu số dư tài khoản trực tuyến, tra cứu thông tin quyền.
- Chuyển tiền, chứng khoán trực tuyến.
- Ứng trước trực tuyến.
- Đăng ký mua quyền trực tuyến.
- Thay đổi thông tin trực tuyến.
- Quản lý danh mục đầu tư hàng ngày.
- Tư vấn hỗ trợ khách hàng qua điện thoại.
- Thông báo kết quả khớp lệnh qua Email, SMS. Thông báo SMS về biến động số dư tiền, các thông tin về quyền.
- Cập nhật thông tin thị trường bằng bản tin hàng ngày và báo cáo phân tích của công ty.

Báo cáo phân tích thị trường, chứng khoán

- Báo cáo phân tích định kỳ hàng ngày, hàng tuần, hàng quý và báo cáo năm.
- Báo cáo phân tích ngành, báo cáo phân tích vĩ mô và báo cáo tư vấn chiến lược đầu tư.

Dịch vụ khác

- Tổ chức các buổi hội thảo đầu tư, hội thảo chuyên đề.
- Tổ chức các chuyến tham quan tìm hiểu doanh nghiệp.

“

Sau gần 10 năm hoạt động và phát triển, BSI là một công ty chứng khoán chuyên nghiệp - có khả năng đáp ứng đầy đủ các dịch vụ theo quy định của nhà nước đối với công ty chứng khoán.

”

DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Với đội ngũ chuyên gia nhiều kinh nghiệm về thị trường tài chính, luật, kế toán, kiểm toán, thẩm định giá cùng sự hiểu biết sâu sắc và hệ thống pháp luật Việt Nam. BSI luôn đưa ra các giải pháp tài chính tốt nhất cho những khách hàng được chúng tôi cung cấp các dịch vụ tư vấn. Bên cạnh đó, bằng các biên bản ghi nhớ về hợp tác chiến lược, chúng tôi đã hợp tác với các công ty kiểm toán, công ty thẩm định giá, công ty tư vấn luật nhằm hỗ trợ, đáp ứng kịp thời và thỏa mãn các yêu cầu phát sinh đa dạng của khách hàng.

Các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp

Tư vấn niêm yết chứng khoán: BSI cung cấp dịch vụ tư vấn niêm yết chứng khoán, nhằm giúp các doanh nghiệp thực hiện nhu cầu niêm yết lần đầu hoặc niêm yết bổ sung chứng khoán trên thị trường chứng khoán tập trung.

Tư vấn cổ phần hóa: BSI đồng hành cùng khách hàng để hoàn thành lộ trình cổ phần hóa theo quy định hiện hành với những nội dung tư vấn chủ yếu sau: Xác định giá trị doanh nghiệp; Lập phương án cổ phần hóa; Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng; Tổ chức đại hội cổ đông lần đầu; Thành lập công ty cổ phần và những nội dung liên quan khác.

Tư vấn phát hành chứng khoán: BSI tư vấn các giải pháp và hình thức phát hành chứng khoán (cổ phiếu và trái phiếu) bao gồm: phát hành riêng lẻ, phát hành lần đầu ra công chúng (IPO), phát hành thêm nhằm đáp ứng các nhu cầu về

vốn của khách hàng.

Bảo lãnh phát hành chứng khoán: BSI có năng lực và được phép thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán nhằm đảm bảo sự thành công của đợt phát hành, đáp ứng nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp.

Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp: BSI thực hiện việc đánh giá toàn bộ hoạt động tài chính và xây dựng các biện pháp tối ưu để lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Tư vấn mua bán và sáp nhập: BSI đóng vai trò là tổ chức tài chính trung gian và là cầu nối giữa các doanh nghiệp trong việc thực hiện các giao dịch mua bán và sáp nhập doanh nghiệp. BSI tư vấn cho doanh nghiệp lựa chọn thời điểm thực hiện việc mua/bán doanh nghiệp và là nhà tư vấn cho bên bán hoặc bên mua để thực hiện chiến lược của mình.

Tư vấn chuyển đổi hình thức hoạt động doanh nghiệp: BSI tư vấn cho các khách hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty có vốn đầu tư nước ngoài tiến hành các thủ tục cần thiết để chuyển đổi thành công ty cổ phần, nhằm giúp doanh nghiệp hoạch định được mô hình phát triển và lộ trình phát triển hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Tư vấn thoái vốn nhà nước: BSI thực hiện nghiệp vụ tư vấn cho các doanh nghiệp có vốn nhà nước thoái vốn đầu tư tại các công ty ngoài ngành theo chủ trương của chính phủ theo đúng trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

THÀNH TỰU KHÁC

Qua gần 10 năm hoạt động, BSI đã ngày một nâng cao số lượng và chất lượng sản phẩm phân tích để cung cấp theo yêu cầu cho nhà đầu tư. Các sản phẩm nghiên cứu, phân tích này được phản hồi tích cực và nhận được sự đánh giá cao từ khách hàng. Các sản phẩm phân tích là công cụ hỗ trợ đắc lực và hiệu quả cho hoạt động Phòng Môi giới trong việc cung cấp những thông tin quan trọng của thị trường cũng như tình hình cổ phiếu cho nhà đầu tư.

Việc triển khai thành công các hợp đồng tư vấn có sự góp sức rất lớn từ đội ngũ chuyên gia phân tích – từ việc thu thập và đánh giá thông tin doanh nghiệp, năng lực hoạt động đến tình hình tài chính, tiềm năng phát triển của các công ty cần tư vấn. Từ đó, nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian trong quy trình tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Hiện nay BSI cung cấp hầu như đầy đủ các sản phẩm phân tích, hoàn thiện báo cáo phân tích, hỗ trợ thông tin tham vấn tốt nhất cho khách hàng tổ chức cũng như cá nhân nhằm đem lại giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ của BSI.

Bên cạnh đó, BSI liên danh cung cấp dịch vụ thẩm định giá cho các tổ chức tài chính, các quỹ đầu tư, cá nhân trong và ngoài nước bao gồm: Thẩm định giá giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, thoái vốn; Định giá cổ phiếu; Định giá thương hiệu; Định giá lợi thế thương mại, tác quyền; Thẩm định giá bất động sản;... Hiện nay, BSI đang áp dụng các phương pháp định giá tiên tiến trên thế giới và được nhiều quốc gia

chấp nhận và đặc biệt phù hợp với các thị trường đang phát triển như Việt Nam.

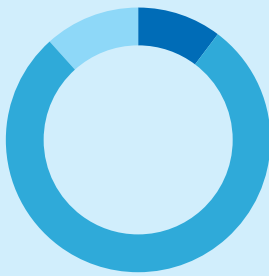
Ngoài ra trong dịch vụ tư vấn tài chính dự án, BSI thực hiện lập kế hoạch tài chính cho các dự án triển khai; Các dự án có nhu cầu huy động vốn và cho các mục đích quản trị tài chính khác; Lập dự báo dòng tiền chi tiết cho mục đích phân tích, định giá doanh nghiệp; Lập dự án đầu tư nhằm phục vụ quá trình đầu tư, mua bán hoặc sáp nhập doanh nghiệp.



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

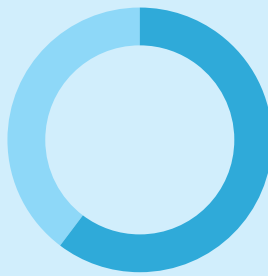
Tính đến cuối năm 2015, BSI có 38 Cán bộ nhân viên đang công tác. Trong đó:

Trình độ



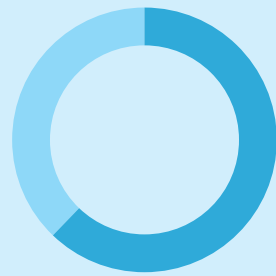
- Trên Đại học: 11% (04 CBNV)
- Đại học: 74% (28 CBNV)
- Dưới Đại học: 16% (06 CBNV)

Giới tính



- Nam: 61% (23 CBNV)
- Nữ: 39% (15 CBNV)

Biên chế lao động



- Không xác định thời hạn: 68 % (26 CBNV)
- Xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm: 32% (12 CBNV)
- Thời vụ: Không có

CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

BSI luôn tuân thủ và thực hiện đúng các Quy định chung về chi trả lương, không có bất kỳ phân nân nào liên quan, tất cả CBNV đều được tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, lương tháng 13, thưởng vào các ngày Lễ lớn trong năm (30/4, 1/5, 2/9, Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán) bằng tiền hoặc hiện vật cụ thể. Ngoài ra, BSI còn hỗ trợ CBNV về các chế độ như trợ cấp bữa ăn giữa ca, đồng phục hàng năm, tham quan du lịch nghỉ mát, tổ chức sinh nhật và các buổi giao lưu tập thể, tổ chức thăm hỏi đối với các sự kiện liên quan đến cá nhân, gia đình của CBNV cùng một số ưu đãi nội bộ khác.

BSI luôn xác định con người là nòng cốt cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, vì thế luôn chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực thông qua chương trình xây dựng hệ thống đánh giá và chuẩn hóa năng lực, kết hợp với việc đánh giá hiệu quả công việc để có chế độ bồi dưỡng, phát triển cá nhân, khen thưởng nhằm động viên khích lệ CBNV kịp thời.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2017



MỤC TIÊU

Công ty kiên định lập trường hướng tới phát triển ổn định và bền vững, phấn đấu vươn lên trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nổi bật về thương hiệu, uy tín về chất lượng và hiệu quả trong hoạt động.

ĐỊNH HƯỚNG

TTCK Việt Nam được dự báo dự báo sẽ cải thiện về cả lượng và chất trong năm 2017, tiếp tục là điểm đến hấp dẫn nhà đầu tư - triển vọng dài hạn là tích cực. Tuy nhiên, TTCK tiếp tục phải đối diện với những trở ngại còn tồn tại và rủi ro tiềm ẩn. Đặc biệt là tình trạng dễ bị tổn thương của hệ thống tài chính - ngân hàng vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Để đạt mục tiêu, BSI tiếp tục tạo cơ hội phát triển cho nhân sự công ty, hướng đến xây dựng một đội ngũ CBNV trình độ, chuyên nghiệp, thân thiện, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao.

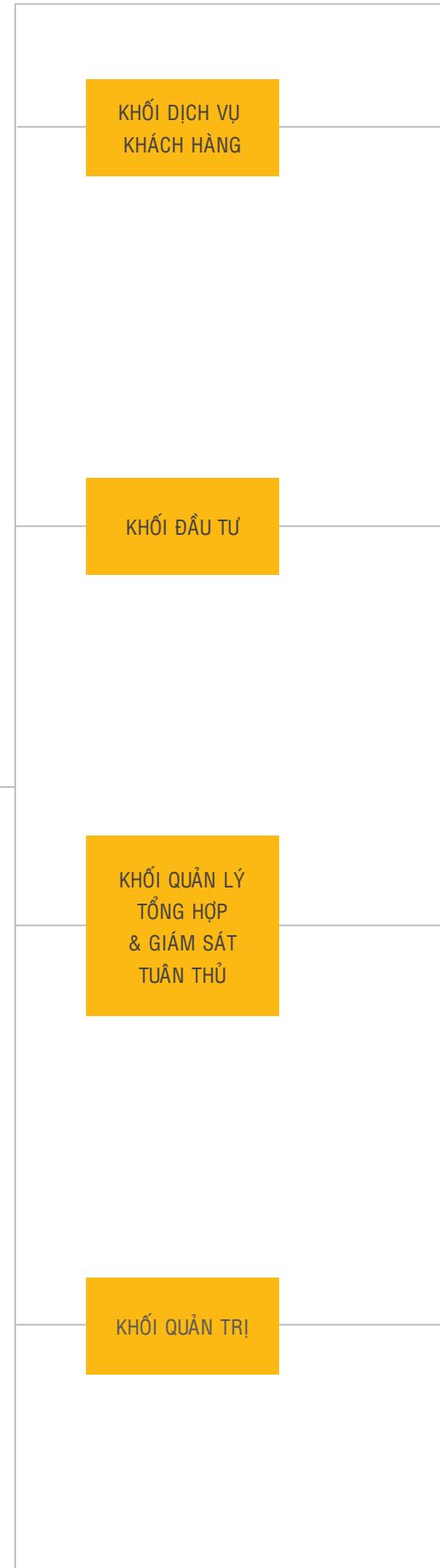
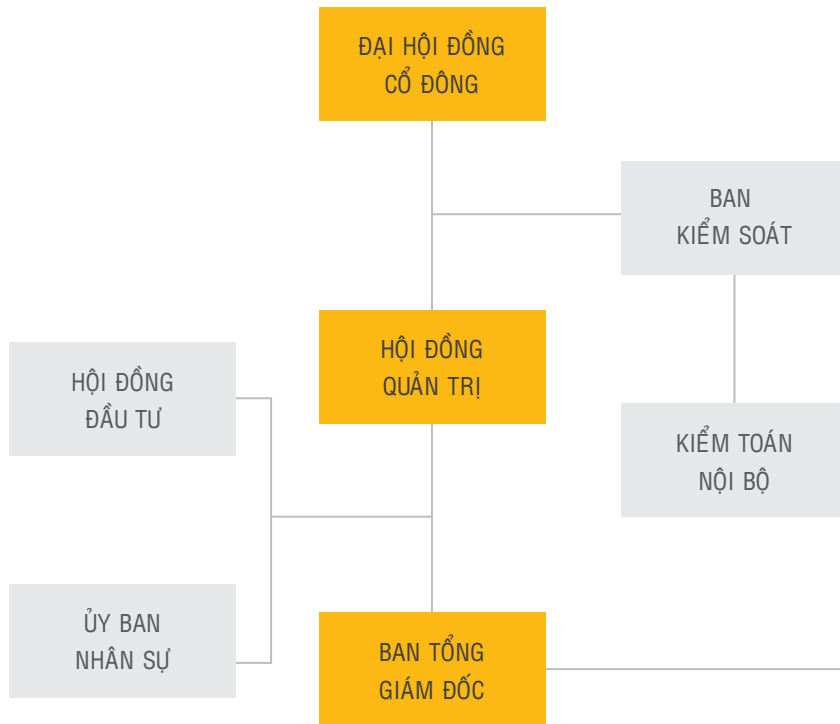
Năm 2017, sử dụng hiệu quả tất cả các nguồn lực của công ty để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra. Bên cạnh đó, chú trọng chất lượng dịch vụ đi kèm với củng cố mạng lưới hoạt động; đề cao công tác giám sát – kiểm tra; tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho quá trình giao dịch của nhà đầu tư nhanh chóng, tiện ích và bảo mật; đa dạng hóa sản phẩm – dịch vụ nhằm thỏa mãn tất cả nhu cầu của khách hàng.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH 2017

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2016	KẾ HOẠCH NĂM 2017
1	Doanh thu	74.216.178.435	60.000.000.000
2	Chi phí	98.967.465.809	48.000.000.000
3	Lợi nhuận	-24.751.287.374	12.000.000.000

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Bộ máy tổ chức của BSI bao gồm Hội sở, các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện.

Tổ chức bộ máy được cấu trúc làm 4 khối: Dịch vụ khách hàng, Đầu tư, Quản lý tổng hợp & Giám sát tuần thủ, Quản trị.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN VĂN CỰU
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông đã có 20 năm kinh nghiệm về quản trị và đầu tư trong hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng – Chứng khoán. Ông Nguyễn Văn Cựu tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Hoa Kỳ, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng và Cử nhân Luật.



BÀ NGUYỄN THỊ MINH QUANG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà là thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào hoạt động điều hành của BSI. Bà là người am hiểu sâu sắc và có nhiều năm kinh nghiệm đảm trách hoạt động quản trị tài chính cho nhiều doanh nghiệp. Bà Nguyễn Thị Minh Quang tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Cử nhân tài chính tại Hoa Kỳ.



ÔNG HUỖNH VĂN TỐT
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính - ngân hàng lớn tại Việt Nam.

Ông Huỳnh Văn Tốt là Tổng Giám đốc của BSI từ 09/2012.

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG NGUYỄN VĂN THIÊN
Trưởng ban



ÔNG TÔN THẤT LÂM KHÁNH
Thành viên



BÀ NGUYỄN THỊ HẢI
Thành viên

Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo quy định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các Cổ đông của Công ty. Trong suốt nhiệm kỳ qua, Ban kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động công ty theo đúng quy định pháp luật và điều lệ công ty cũng như thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ để ra hàng năm. Đồng thời Ban kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của vủa HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của BSI.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG HUỖNH VĂN TỐT
Tổng giám đốc

Ông Huỳnh Văn Tốt có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính - ngân hàng lớn tại Việt Nam. Ông Huỳnh Văn Tốt là Tổng Giám đốc của BSI từ 09/2012.



BÀ NGUYỄN THỊ MINH QUANG
Phó Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Minh Quang tốt nghiệp MBA và Cử nhân tài chính Hoa Kỳ, là người am hiểu sâu sắc và có nhiều kinh nghiệm trong việc quản trị tài chính doanh nghiệp. Bà Nguyễn Thị Minh Quang là Phó Tổng Giám Đốc của BSI từ năm 2011.



BÀ TRẦN THỊ BÔNG
Phó Tổng giám đốc

Bà Trần Thị Bông là Nhân sự thuộc thế hệ đầu tiên của BSI từ năm 2007. Bà có 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật. Bên cạnh đó, bà còn là thành viên tích cực của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Bông là Phó Tổng Giám đốc của BSI từ 11/2012.



ÔNG NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Trường có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán - Tài chính, trước khi gia nhập BSI, ông đã từng giữ nhiều vị trí quan trọng trong các tổ chức tài chính. Ông là Phó Tổng Giám đốc của BSI từ 07/2015.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thiên	Trưởng ban
Ông Tôn Thất Lâm Khánh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Trường	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác. Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính 2016.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị



NGUYỄN VĂN CỨ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 25 tháng 03 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



HUYỀN VĂN TỐT
Tổng Giám đốc

Số: 152/BCKT2016-DFK

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, từ trang 04 đến trang 33 kèm theo, được lập vào ngày 25 tháng 3 năm 2017.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã thuyết minh tại mục 7.1 – Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa xem xét đánh giá lại giá trị hợp lý của một số tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các cổ phiếu chưa niêm yết do các cổ phiếu này không có giá tham khảo trên thị trường. Mặt khác, với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không có đủ cơ sở để đánh giá mức độ suy giảm giá trị của những tài sản này (nếu có). Do vậy, chúng tôi không có đủ cơ sở xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có) đối với những tài sản nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang có số dư ủy thác cho các cá nhân để đầu tư vào cổ phiếu với số tiền là 148.200.000.000 đồng. Theo quy định tại Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 và Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, các hoạt động ủy thác đầu tư chứng khoán nêu trên không được thực hiện do chưa có quy định hướng dẫn của Bộ Tài chính.



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN
 Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số: 0182-2013-042-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2017



LÊ ĐÌNH HUYỀN
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số: 1756-2013-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		375.815.050.893	405.936.161.828
Tài sản tài chính	110		367.149.096.913	394.228.197.337
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	6	9.832.647.754	8.457.685.295
Tiền	111.1		9.832.647.754	8.457.685.295
Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.1	136.925.069.647	149.239.318.301
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.2	30.000.000.000	31.000.000.000
Các khoản cho vay	114	7.3	33.209.461.943	45.539.881.001
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.6	(3.218.633.292)	-
Các khoản phải thu	117	8	1.119.807.359	1.325.468.707
Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		1.119.807.359	1.325.468.707
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		1.119.807.359	1.325.468.707

Trả trước cho người bán	118	8	10.238.852.750	10.276.180.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	841.890.752	189.664.033
Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
Các khoản phải thu khác	122	8	176.279.093.450	176.747.926.050
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	123	9	(28.079.093.450)	(28.547.926.050)
Tài sản ngắn hạn khác	130		8.665.953.980	11.707.964.491
Tạm ứng	131	10	8.507.000.000	11.527.364.803
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	133		158.953.980	180.599.688
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	137		-	-
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-

TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.768.664.765	14.401.799.590
Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		7.601.269.811	5.936.238.823
Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.723.709.811	1.599.762.991
Nguyên giá	222		21.569.151.117	18.379.151.117
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(17.845.441.306)	(16.779.388.126)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	12	3.877.560.000	4.336.475.832
Nguyên giá	228		9.361.920.821	9.196.320.821
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(5.484.360.821)	(4.859.844.989)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
Tài sản dài hạn khác	250		29.167.394.954	8.465.560.767
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	13	25.000.000.000	4.800.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	252		521.743.898	468.025.965
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	14	3.645.651.056	3.197.534.802
Tài sản dài hạn khác	255		-	-
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		412.583.715.658	420.337.961.418

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		56.696.790.322	39.699.748.70
Nợ phải trả ngắn hạn	310		56.696.790.322	39.699.748.708
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311		55.000.000.000	36.000.000.000
Vay ngắn hạn	312	15	55.000.000.000	36.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	16	156.309.688	137.872.249
Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	320		84.500.000	986.494.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		66.000.000	236.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	17	204.988.230	97.065.460
Phải trả người lao động	323		781.447.760	416.625.000
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		94.496.862	35.286.212
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	18	92.952.995	65.300.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		9.372.897	1.474.833.897
Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		206.721.890	249.521.890
Nợ phải trả dài hạn	340		-	-

NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		355.886.925.336	380.638.212.710
Vốn chủ sở hữu	410	19	355.886.925.336	380.638.212.710
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		400.000.000.000	400.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		657.921.000	657.921.000
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		1.786.350.257	1.786.350.257
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(46.557.345.921)	(21.806.058.547)
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(14.325.827.100)	(9.967.824.518)
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(32.231.518.821)	(11.838.234.029)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		412.583.715.658	420.337.961.418

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ				
THEO CAM KẾT				
Nợ khó đòi đã xử lý	004		1.037.935.347	1.037.935.347
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		40.000.000	40.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK (số lượng)	008	20	64.185.830.000	53.167.350.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK (số lượng)	009	21	2.118.320.000	2.118.280.000
Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		-	-
Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	011		-	-
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		-	-
Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	22	1.860.077.320.000	2.948.490.940.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		272.359.050.000	1.258.840.340.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		100.000.000	181.760.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1.147.958.500.000	1.253.668.070.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		434.468.970.000	434.468.970.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		5.190.800.000	1.331.800.000
Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6		-	-
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	23	82.770.630.000	68.556.410.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		40.660.510.000	26.316.230.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		42.110.120.000	42.240.180.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		-	-
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		-	-
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-	-
Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a			
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b		-	-

Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	-
Tiền gửi của khách hàng	026	24	46.286.557.861	7.678.920.419
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		2.584.898.061	5.601.078.919
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		-	-
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		43.701.652.800	2.073.398.000
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	029.1		43.701.652.800	2.073.398.000
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	029.2		-	-
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		7.000	4.443.500
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		46.286.550.861	7.674.476.919
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		46.283.302.703	7.671.133.931
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		3.248.158	3.342.988
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	-
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		7.000	4.443.500

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2016 VND	NĂM 2015 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		22.018.937.665	10.649.753.326
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	29	2.572.352.152	3.997.287.172
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	30	18.567.969.747	5.523.583.121
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC FVTPL	01.3	31	878.615.766	1.128.883.033
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	31	1.783.261.111	-
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	31	3.716.380.308	8.687.396.756
Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		-	-
Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	32	1.480.931.562	6.550.494.174
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	32	-	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	32	724.828.808	829.597.825
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	32	1.271.180.094	2.071.804.320
Thu nhập hoạt động khác	11		41.382.511.839	39.646.669.768
Cộng doanh thu hoạt động	20		72.378.031.387	68.435.716.169

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		38.241.514.240	11.431.193.288
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	29	-	3.323.998.337
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	30	38.241.514.240	8.107.194.951
Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	-
Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	30	3.218.633.292	-
Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-	-
Chi phí hoạt động tự doanh	26		523.333.335	528.855.600
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	33	2.279.126.420	5.399.299.065
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	33	1.234.659.746	1.221.972.979
Chi chí hoạt động tư vấn tài chính	31	33	785.851.209	983.138.847
Chi phí các dịch vụ khác	32	33	(467.782.786)	13.512.870.163
Cộng chi phí hoạt động	40		45.815.335.456	33.077.329.942

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	-
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		342.585.048	740.329.341
Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		342.585.048	740.329.341
CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	-
Chi phí lãi vay	52		42.510.763.561	16.392.494.201
Chi phí tài chính khác	55		-	-
Cộng chi phí tài chính	60		42.510.763.561	16.392.494.201
CHI BÁN HÀNG	61		-	-
CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	34	10.552.650.591	11.630.103.280
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		(26.158.133.173)	8.076.118.087

THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71		1.495.562.000	1.900.002.140
Chi phí khác	72		88.716.201	1.378.291.616
Cộng kết quả hoạt động khác	80		1.406.845.799	521.710.524
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ				
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(5.077.742.881)	11.181.440.441
Lợi nhuận (Lỗ) chưa thực hiện	92		(19.673.544.493)	(2.583.611.830)
CHI PHÍ THUẾ TNDN				
100			-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	35	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN				
200			(24.751.287.374)	8.597.828.611
THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC				
300				
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
500				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	36	(619)	215
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		(619)	215

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2016 VND	NĂM 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(434.108.721.534)	(1.712.852.733.152)
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		443.530.874.683	1.725.713.040.268
Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(252.012.153)	(184.097.760)
Cổ tức đã nhận	04		490.449.100	643.549.700
Tiền lãi đã thu	05		5.214.791.655	8.673.991.922
Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		(42.483.110.566)	(5.455.383.090)
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(585.533.931)	(291.504.988)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(5.425.459.308)	(6.260.285.043)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(710.613.276)	(2.310.318.820)
Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính	10		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		2.513.429.584.048	1.454.338.721.622
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(2.496.871.767.206)	(1.437.815.372.837)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.771.518.488)	24.199.607.822
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	22		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	23		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	24		-	-
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		146.480.947	628.212.674
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		146.480.947	628.212.674

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2016 VND	NĂM 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
Tiền vay gốc	33		353.859.485.531	163.036.253.414
Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	33.1		-	-
Tiền vay khác	33.2		353.859.485.531	163.036.253.414
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(334.859.485.531)	(207.036.253.414)
Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	34.1		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	34.2		-	-
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	34.3		(334.859.485.531)	(207.036.253.414)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		19.000.000.000	44.000.000.000
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	50		1.374.962.459	(19.172.179.504)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		8.457.685.295	27.629.864.799
Tiền	61		8.457.685.295	27.629.864.799
Các khoản tương đương tiền	62		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	63		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70		9.832.647.754	8.457.685.295
Tiền	71		9.832.647.754	8.457.685.295
Các khoản tương đương tiền	72		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	73		-	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2016 VND	NĂM 2015 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		470.449.204.989	1.611.272.601.393
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(1.215.024.726.448)	(5.672.936.342.978)
Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	03		-	-
Tiền chi mua chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		-	-
Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	05		-	-
Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	06		-	-
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		783.912.424.209	4.052.909.917.417
Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	08		-	-
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09		(724.828.808)	(829.597.825)
Thu lãi giao dịch chứng khoán	10		-	-
Chi lãi giao dịch chứng khoán	11		-	-
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12		9.091.629.888	15.288.361.780
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13		(9.096.066.388)	(15.283.941.080)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		38.607.637.442	(9.579.001.293)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2016 VND	NĂM 2015 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		7.678.920.419	17.257.921.712
<i>Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:</i>	<i>31</i>		<i>7.678.920.419</i>	<i>17.257.921.712</i>
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		5.601.078.919	2.575.155.212
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		2.073.398.000	14.682.743.700
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34		-	-
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		4.443.500	22.800
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>				
Các khoản tương đương tiền	36		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		46.286.557.861	7.678.920.419
<i>Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:</i>	<i>41</i>		<i>46.286.557.861</i>	<i>7.678.920.419</i>
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		2.584.898.061	5.601.078.919
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>				
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		43.701.652.800	2.073.398.000
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		7,000	4.443.500
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>				
Các khoản tương đương tiền	46		0	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		0	-

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		SỐ TĂNG, GIẢM				SỐ DƯ CUỐI KỲ	
		Tại 01/01/2015	Tại 01/01/2016	NĂM 2015		NĂM 2016		Tại 31/12/2015	Tại 31/12/2016
		VND	VND	TĂNG VND	GIẢM VND	TĂNG VND	GIẢM VND	VND	VND
Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		657.921.000	657.921.000	-	-	-	-	657.921.000	657.921.000
3. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.786.350.257	1.786.350.257	-	-	-	-	1.786.350.257	1.786.350.257
4. Lợi nhuận (Lỗ) chưa phân phối		(30.403.887.158)	(21.806.058.547)	11.181.440.441	(2.583.611.830)	-	(24.751.287.374)	(21.806.058.547)	(46.557.345.921)
4.1. Lợi nhuận (Lỗ) sau thuế đã thực hiện		(20.793.562.339)	(9.967.824.518)	11.181.440.441	-	-	(5.077.742.881)	(9.612.121.898)	(15.045.567.399)
4.2. Lợi nhuận (Lỗ) chưa thực hiện		(9.610.324.819)	(11.838.234.029)	-	(2.583.611.830)	-	(19.673.544.493)	(12.193.936.649)	(31.511.778.522)
Tổng cộng		372.040.384.099	380.638.212.710	11.181.440.441	(2.583.611.830)	-	(24.751.287.374)	380.638.212.710	355.886.925.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán Số 67/UB-CK-GPHĐKD ngày 6 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 11 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

- Vốn điều lệ:
400.000.000.000 đồng;
- Vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016:
400.000.000.000 đồng.

Tên giao dịch và trụ sở

Trụ sở chính đặt tại Tầng 4-5, 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam "VND" và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty phát sinh giao dịch. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỉ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do giao dịch trong hoạt động kinh doanh và lãi lỗ thuần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán thay thế Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010. Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày

30 tháng 12 năm 2014. Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư số 334/2016/TT-BTC này đưa ra các quy định các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Riêng các quy định về giá trị hợp lý chỉ áp dụng khi Luật Kế toán cho phép. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính năm 2015 theo quy định của Thông tư số 334/2016/TT-BTC khi so sánh với số liệu báo cáo tài chính năm 2016.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

4.2 Nguyên tắc kế toán Tài sản tài chính (TSTC) ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, TSTC sẵn sàng để bán, các khoản cho vay, nợ tài chính:

4.2.1 Nguyên tắc phân loại TSTC và nợ tài chính thuộc danh mục đầu tư của công ty chứng khoán

Tài sản tài chính được phân loại thành bốn loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. TSTC được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: TSTC là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc TSTC là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại TSTC được phân loại nhóm khác khi bán cần phải phân loại vào FVTPL.

Các TSTC FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

b) TSTC nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các TSTC phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được CTCK xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL).

- Các TSTC phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS), và

- Các TSTC phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

c) TSTC sẵn sàng để bán (AFS): AFS thuộc danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là (a) Các khoản cho vay và phải thu, (b) Các khoản đầu tư TSTC AFS được phép phân loại sang các nhóm: FVTPL, HTM.

d) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay thuộc Danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán

Rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo qui định của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là rủi ro) là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay, thì phải lập dự phòng rủi ro cụ thể và dự phòng chung cho những tổn thất có thể xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK. Công ty chứng khoán sẽ lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

4.2.2 Nguyên tắc đánh giá lại các TSTC:

Việc đánh giá lại các TSTC FVTPL và AFS theo giá thị trường và giá hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với qui định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các cổ phiếu không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức

phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Năm 2016 Luật Kế toán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty chỉ thực hiện đánh giá lại chứng khoán khi có giá thị trường giảm so với giá gốc.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại TSTC FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo hai chỉ tiêu:

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.”
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.”

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận thông qua nguyên tắc bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính, phần vốn chủ sở hữu tại chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính theo giá trị hợp lý” và được trình bày vào chỉ tiêu “Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán” trên Báo cáo kết quả hoạt động.

4.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	10
Tài sản khác	8
Tài sản vô hình	4 – 5

4.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn:

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các TSTC: Toàn bộ giá trị phải thu bán các TSTC thuộc danh mục TSTC của CTCK phải theo dõi qua chỉ tiêu “Phải thu bán các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC: tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục TSTC của CTCK phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài

chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được phản ánh vào “Tài khoản 6339 - Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán” trong năm.

4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Các quỹ:

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bất buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

4.9 Phân chi lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.11 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản thuế ưu đãi chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

4.11 Thuế (tiếp theo)

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại

được ghi nhập vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.12 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là hỗ trợ tài chính cho hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi kỳ hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty còn nắm giữ các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán. Công ty không nắm giữ hoặc phát hành các công cụ tài chính phái sinh.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho

toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

4.12.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị nợ thuần, tỷ suất giữa lãi suất cố định với lãi suất thả nổi của các khoản nợ và tỷ lệ các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ đều cố định.

4.12.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn

hạn, và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Độ nhạy lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy lãi suất do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty là rất nhỏ hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 63.193.163.350 đồng Việt Nam. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty; tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số thị trường.

4.12.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân

hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản bảo đảm đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 6. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

4.12.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Không kỳ hạn VND	Từ 03 - 12 tháng VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Vay ngắn hạn	-	55.000.000.000	55.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	156.309.688	-	156.309.688
Chi phí phải trả	92.952.995	-	92.952.995
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.372.897	-	9.372.897
Cộng	258.635.580	55.000.000.000	55.258.635.580
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Vay ngắn hạn	-	36.000.000.000	36.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	137.872.249	-	137.872.249
Chi phí phải trả	65.300.000	-	65.300.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.474.833.897	-	1.474.833.897
Cộng	1.678.006.146	36.000.000.000	37.678.006.146

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng trả tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
a. Cửa Công ty	1.265.860	18.198.291.000
- Cổ phiếu	1.265.860	18.198.291.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
b. Cửa nhà đầu tư	89.632.288	955.504.367.560
- Cổ phiếu	89.632.288	955.504.367.560
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
Cộng	90.898.148	973.702.658.560

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	339.391.358	663.589.418
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán	9.493.256.396	7.794.095.877
Cộng	9.832.647.754	8.457.685.295

CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Tài sản FVTPL	CUỐI NĂM		ĐẦU NĂM	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	94.701.463.468	63.189.684.946	81.521.167.629	69.682.933.600
DPM	4.423.500.000	3.352.500.000	-	-
EIB	38.205.827.169	28.087.821.000	27.007.636.169	23.408.100.800
STB	52.062.688.361	31.742.446.050	52.062.688.361	44.002.755.900
HPG	557.578	557.578	984.519.363	876.496.400
REE	140.350	140.350	1.076.153.726	1.008.151.200
GMD	-	-	381.420.000	381.420.000
Các cổ phiếu lẻ khác	8.750.010	6.219.968	8.750.010	6.009.300
Cổ phiếu chưa niêm yết	74.455.125.000	73.735.384.701	80.276.125.000	79.556.384.701
Công ty CP Nhà An Phú	8.287.500.000	8.287.500.000	8.287.500.000	8.287.500.000
Công ty CP Liên Minh (*)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Thời Trang Việt (*)	5.315.625.000	5.315.625.000	5.315.625.000	5.315.625.000
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà (*)	2.000.000.000	1.833.654.022	2.000.000.000	1.833.654.022
Công ty CP Đầu tư KCN Vĩnh Lộc (*)	15.000.000.000	14.835.997.427	15.000.000.000	14.835.997.427
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	7.852.000.000	7.832.103.722	7.852.000.000	7.832.103.722
Công ty CP Du lịch Tiến Lợi	21.000.000.000	20.630.504.530	21.000.000.000	20.630.504.530
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	-	-	5.821.000.000	5.821.000.000
Tổng cộng	169.156.588.468	136.925.069.647	161.797.292.629	149.239.318.301

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang sử dụng 3.147.161 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với giá trị thị trường là 29.740.671.450 đồng và 3.120.869 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam với giá trị thị trường là 28.087.821.000 đồng để đảm bảo cho các khoản vay được thuyết minh tại mục 15.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa xem xét đánh giá lại giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này với tổng giá trị đầu tư là 37.315.625.000 đồng do các cổ phiếu này không có giá tham khảo trên thị trường.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	30.000.000.000	31.000.000.000
Cộng	30.000.000.000	31.000.000.000

CÁC KHOẢN CHO VAY

	CUỐI NĂM		ĐẦU NĂM	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ	31.027.753.406	27.809.120.114	44.441.826.893	44.441.826.893
Phải thu khách hàng về ứng trước tiền bán chứng khoán	2.181.708.537	2.181.708.537	1.098.054.108	1.098.054.108
Cộng	33.209.461.943	29.990.828.651	45.539.881.001	45.539.881.001

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay do các khoản mục này không có giá trị thị trường.

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là

giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các cổ phiếu không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 hoặc ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng được xác định bằng giá trị ghi sổ do các tài sản tài chính này không có giá thị trường và chưa có dấu hiệu suy giảm giá trị.

Đối với các khoản cho vay giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay do các khoản mục này không có giá thị trường.

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm			
	Giá mua/giá gốc	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này (không bao gồm phần tăng giá)	Chênh lệch đánh giá lại	
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
VND	VND	VND	VND	
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	169.156.588.468	136.925.069.647	3.478.404	(32.231.518.821)
Cổ phiếu niêm yết	94.701.463.468	63.189.684.946	3.478.404	(31.511.778.522)
Cổ phiếu chưa niêm yết	74.455.125.000	73.735.384.701	-	(719.740.299)
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	-	-	-	-
Các khoản cho vay	33.209.461.943	29.990.828.651	-	(3.218.633.292)
Phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ	31.027.753.406	27.809.120.114	-	(3.218.633.292)
Phải thu khách hàng về ứng trước tiền bán chứng khoán	2.181.708.537	2.181.708.537	-	-
Tổng cộng	232.366.050.411	196.915.898.298	3.478.404	(35.450.152.113)

Số đầu năm

Giá trị đánh giá lại	Giá mua/giá gốc	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này (không bao gồm phần tăng giá)	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
VND	VND	VND	VND	VND	VND
136.928.548.051	161.797.292.629	149.239.318.301	2.057.000	(12.557.974.328)	149.241.375.301
63.193.163.350	81.521.167.629	69.682.933.600	2.057.000	(11.838.234.029)	69.684.990.600
73.735.384.701	80.276.125.000	79.556.384.701	-	(719.740.299)	79.556.384.701
30.000.000.000	31.000.000.000	31.000.000.000			31.000.000.000
-	-	-	-	-	-
29.990.828.651	45.539.881.001	45.539.881.001	-	-	45.539.881.001
27.809.120.114	44.441.826.893	44.441.826.893	-	-	44.441.826.893
2.181.708.537	1.098.054.108	1.098.054.108	-	-	1.098.054.108
196.919.376.702	238.337.173.630	225.779.199.302	2.057.000	(12.557.974.328)	225.781.256.302

TRƯỜNG HỢP CÔNG TY CHỨNG KHOÁN HẠCH TOÁN TSTC THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁ GỐC VÀ LẬP DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ CÁC TSTC

Loại tài sản tài chính	CƠ SỞ LẬP DỰ PHÒNG NĂM 2016				Giá trị lập dự phòng năm trước	Giá trị lập dự phòng hoặc hoàn nhập năm nay
	Số lượng	Giá trị sổ sách kế toán	Giá trị thị trường	Giá trị trích lập dự phòng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	8.656.207	140.550.239.450	108.318.990.451	(32.231.518.821)	(12.557.974.328)	(19.673.544.493)
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	6.630.207	94.698.239.450	63.186.730.750	(31.511.778.522)	(11.838.234.029)	(19.673.544.493)
EIB	3.120.869	38.205.827.169	28.087.821.000	(10.118.006.169)	(3.599.535.369)	(6.518.470.800)
STB	3.358.989	52.062.688.361	31.742.446.050	(20.320.242.311)	(8.059.932.461)	(12.260.309.850)
DPM	150.000	4.423.500.000	3.352.500.000	(1.071.000.000)	-	(1.071.000.000)
REE	6	140.350	147.900	-	(68.002.526)	68.002.526
HPG	19	557.578	819.850	-	(108.022.963)	108.022.963
Các cổ phiếu lẻ khác	324	5.525.992	2.995.950	(2.530.042)	(2.740.710)	210.668
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	2.026.000	45.852.000.000	45.132.259.701	(719.740.299)	(719.740.299)	-
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	100.000	2.000.000.000	1.833.654.022	(166.345.978)	(166.345.978)	-
Công ty CP Đầu tư KCN Vĩnh Lộc	1.200.000	15.000.000.000	14.835.997.427	(164.002.573)	(164.002.573)	-
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	26.000	7.852.000.000	7.832.103.722	(19.896.278)	(19.896.278)	-
Công ty CP Du lịch Tiến Lợi	700.000	21.000.000.000	20.630.504.530	(369.495.470)	(369.495.470)	-
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
Các khoản cho vay	-	31.027.753.406	27.809.120.114	(3.218.633.292)	-	(3.218.633.292)
Phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ		31.027.753.406	27.809.120.114	(3.218.633.292)	-	(3.218.633.292)
Tổng cộng	8.656.207	171.577.992.856	136.128.110.565	(35.450.152.113)	(12.557.974.328)	(22.892.177.785)

DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản cho vay	3.218.633.292	-
Cộng	3.218.633.292	-

CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Cuối năm	Đầu năm
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	1.119.807.359	1.325.468.707
Trả trước cho người bán	10.238.852.750	10.276.180.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	841.890.752	189.664.033
Các khoản phải thu khác	176.279.093.450	176.747.926.050
- Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư (*)	148.200.000.000	148.200.000.000
- Phải thu khác	28.079.093.450	28.547.926.050
Trong đó: Phải thu khác khó đòi	28.079.093.450	28.547.926.050
Cộng	188.479.644.311	188.539.238.790

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang có số dư ủy thác cho các cá nhân đầu tư chứng khoán với số tiền đầu tư là 148.200.000.000 đồng, các khoản ủy thác này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản và chứng khoán hiện có trong tài khoản của các cá nhân được mở tại Công ty để thực hiện giao dịch chứng khoán. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các chứng khoán hiện có là 25.769.949 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với giá thị trường là 243.526.018.050 đồng.

DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	SỐ CUỐI NĂM				
		Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng phải thu khác khó đòi	28.079.093.450	28.547.926.050	-	468.832.600	28.079.093.450	28.547.926.050
Đỗ Hoàng Long	3.061.955.000	3.061.955.000	-	-	3.061.955.000	3.061.955.000
Nguyễn Thị Thu Hương	1.488.510.000	1.488.510.000	-	-	1.488.510.000	1.488.510.000
Đình Thị Hoa	218.067.400	686.900.000	-	468.832.600	218.067.400	686.900.000
Hoàng Đại Nghĩa	4.392.600.000	4.392.600.000	-	-	4.392.600.000	4.392.600.000
Vũ Văn Tú	446.000.000	446.000.000	-	-	446.000.000	446.000.000
Nguyễn Văn Tiếp	6.921.706.000	6.921.706.000	-	-	6.921.706.000	6.921.706.000
Lê Thị Thanh Nga	3.356.331.500	3.356.331.500	-	-	3.356.331.500	3.356.331.500
Đỗ Trọng Thắng	3.006.378.000	3.006.378.000	-	-	3.006.378.000	3.006.378.000
Lê Xuân Hợi	1.751.210.000	1.751.210.000	-	-	1.751.210.000	1.751.210.000
Cty CP TM Hùng Cường	2.950.000.000	2.950.000.000	-	-	2.950.000.000	2.950.000.000
Ngô Quang Trung	76.500.000	76.500.000	-	-	76.500.000	76.500.000
Trầm Thuyết Kiều	409.835.550	409.835.550	-	-	409.835.550	409.835.550
CỘNG	28.079.093.450	28.547.926.050	-	468.832.600	28.079.093.450	28.547.926.050

TẠM ỨNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	8.507.000.000	11.527.364.803
Cộng	8.507.000.000	11.527.364.803

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	CỘNG
NGUYÊN GIÁ					
Đầu năm	5.814.034.824	4.535.854.203	2.632.562.877	5.396.699.213	18.379.151.117
Tăng trong năm	-	-	3.190.000.000	-	3.190.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Cuối năm	5.814.034.824	4.535.854.203	5.822.562.877	5.396.699.213	21.569.151.117
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Đầu năm	4.484.149.192	4.535.854.203	2.421.077.884	5.338.306.847	16.779.388.126
Tăng trong năm	584.745.252	-	422.915.562	58.392.366	1.066.053.180
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Cuối năm	5.068.894.444	4.535.854.203	2.843.993.446	5.396.699.213	17.845.441.306
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Đầu năm	1.329.885.632	-	211.484.993	58.392.366	1.599.762.991
Cuối năm	745.140.380	-	2.978.569.431	-	3.723.709.811

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	PHẦN MỀM MÁY TÍNH	TÀI SẢN VÔ HÌNH KHÁC	CỘNG
NGUYÊN GIÁ			
Đầu năm	8.779.968.840	416.351.981	9.196.320.821
Tăng trong năm	165.600.000	-	165.600.000
Giảm trong năm	-	-	-
Cuối năm	8.945.568.840	416.351.981	9.361.920.821
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Đầu năm	4.443.493.008	416.351.981	4.859.844.989
Tăng trong năm	624.515.832	-	624.515.832
Giảm trong năm	-	-	-
Cuối năm	5.068.008.840	416.351.981	5.484.360.821
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu năm	4.336.475.832	-	4.336.475.832
Cuối năm	3.877.560.000	-	3.877.560.000

CẦM CỔ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

Ký quỹ thuê mặt bằng làm trụ sở công ty.

TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	124.212.275	124.212.275
Tiền nộp bổ sung	2.507.692.673	2.255.680.520
Tiền lãi được phân bổ trong năm	1.013.746.108	817.642.007
CỘNG	3.645.651.056	3.197.534.802

VAY NGẮN HẠN

	Số dư đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Số dư cuối năm
Ngân hàng TMCP Bản Việt	36.000.000.000	135.000.000.000	116.000.000.000	55.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	218.859.485.531	218.859.485.531	-
CỘNG	36.000.000.000	353.859.485.531	334.859.485.531	55.000.000.000

(*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bản Việt theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 0003/069116/02.HĐTDHM ngày 01 tháng 02 năm 2016 với hạn mức là 60.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất vay 10%/năm. Khoản vay này nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty và được đảm bảo bằng tài sản do Công ty sở hữu (Thuyết minh 7.1) và 7.480.731 cổ phiếu STB do bà Phạm Thụy Ngọc Quyên sở hữu.

PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán	57.952.604	10.521.480
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán	98.357.084	127.350.769
CỘNG	156.309.688	137.872.249

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	71.513.636	69.457.747
Thuế thu nhập cá nhân	133.474.594	27.607.713
CỘNG	204.988.230	97.065.460

CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	92.952.995	65.300.000
CỘNG	92.952.995	65.300.000

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ		
Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CTCK

Tài sản tài chính	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.505.530.000	38.413.540.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	62.680.300.000	14.753.810.000
CỘNG	64.185.830.000	53.167.350.000

TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

Tài sản tài chính	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng.	2.118.320.000	2.118.280.000
CỘNG	2.118.320.000	2.118.280.000

TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Tài sản tài chính	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	272.359.050.000	1.258.840.340.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	100.000.000	181.760.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.147.958.500.000	1.253.668.070.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	434.468.970.000	434.468.970.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	5.190.800.000	1.331.800.000
CỘNG	1.860.077.320.000	2.948.490.940.000

TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Tài sản tài chính	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng.	40.660.510.000	26.316.230.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng.	42.110.120.000	42.240.180.000
CỘNG	82.770.630.000	68.556.410.000

TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Tiền gửi của Nhà đầu tư	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý.	2.584.898.061	5.601.078.919
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý.	2.581.649.903	5.597.735.931
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý.	3.248.158	3.342.988
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	-
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư.	43.701.652.800	2.073.398.000
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	43.701.652.800	2.073.398.000
CỘNG	46.286.550.861	7.674.476.919

TIỀN GỬI CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tiền gửi của Tổ chức phát hành	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.	7.000	4.443.500
CỘNG	7.000	4.443.500

PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

Loại phải trả	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý.	2.584.898.061	5.601.078.919
- Cửa Nhà đầu tư trong nước.	2.581.649.903	5.597.735.931
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài.	3.248.158	3.342.988
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	43.701.652.800	2.073.398.000
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	43.701.652.800	2.073.398.000
Phải trả khác của Nhà đầu tư	-	-
CỘNG	46.286.550.861	7.674.476.919

PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả phí môi giới chứng khoán	8.140.752	1.914.033
CỘNG	8.140.752	

PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Các khoản phải trả	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả nghiệp vụ margin.	31.027.753.406	44.441.826.893
Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	2.181.708.537	1.098.054.108
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	2.181.708.537	1.098.054.108
Phải trả lãi	-	-
CỘNG	33.209.461.943	45.539.881.001

LÃI (LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI LỖ

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn bán	Lãi (Lỗ) bán chứng khoán năm 2016	Lãi, (lỗ) bán chứng khoán năm 2015
Lãi bán					
Cổ phiếu niêm yết	85.000	2.576.600.000	2.441.395.161	135.204.839	1.695.287.172
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	58.21	8.258.147.313	5.821.000.000	2.437.147.313	2.302.000.000
CỘNG	85.058	10.834.747.313	8.262.395.161	2.572.352.152	3.997.287.172
Lỗ bán					
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	(3.323.998.337)
CỘNG	-	-	-	-	(3.323.998.337)

CHÉNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Danh mục tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ sách kế toán	Giá trị thị trường các cổ phiếu (không bao gồm phần tăng giá)	Chênh lệch đánh giá giảm cuối năm	Chênh lệch đánh giá giảm đầu năm	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán năm 2016
FVTPL	169.156.588.468	136.925.069.647	(32.231.518.821)	(12.557.974.328)	(19.673.544.493)
Cổ phiếu niêm yết	94.701.463.468	63.189.684.946	(31.511.778.522)	(11.838.234.029)	(19.673.544.493)
Cổ phiếu chưa niêm yết	74.455.125.000	73.735.384.701	(719.740.299)	(719.740.299)	-
Các khoản cho vay và phải thu	31.027.753.406	27.809.120.114	(3.218.633.292)	-	(3.218.633.292)
Phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ	31.027.753.406	27.809.120.114	(3.218.633.292)	-	(3.218.633.292)
CỘNG	200.184.341.874	164.734.189.761	(35.450.152.113)	(12.557.974.328)	(22.892.177.785)

CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ, CÁC KHOẢN CHO VAY

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cổ tức từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	878.615.766	1.128.883.033
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.783.261.111	-
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	3.716.380.308	8.687.396.756
CỘNG	6.378.257.185	9.816.279.789

DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu môi giới chứng khoán	1.480.931.562	6.550.494.174
Doanh thu lưu ký chứng khoán	724.828.808	829.597.825
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.271.180.094	2.071.804.320
Thu nhập hoạt động khác	41.382.511.839	39.646.669.768
CỘNG	44.859.452.303	49.098.566.087

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	2.279.126.420	5.399.299.065
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.234.659.746	1.221.972.979
Chi chí hoạt động tư vấn tài chính	785.851.209	983.138.847
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	(468.832.600)	3.375.325.050
Chi phí các dịch vụ khác	1.049.814	10.137.545.113
CỘNG	3.831.854.589	21.117.281.054

CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	4.552.321.491	4.798.508.602
Chi phí dụng cụ văn phòng	191.223.396	574.701.702
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.690.569.012	1.605.879.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.090.488.316	3.900.780.884
Chi phí bằng tiền khác	1.028.048.376	750.232.949
CỘNG	10.552.650.591	11.630.103.280

CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	-24.751.287.374	8.597.828.611
Điều chỉnh	3.247.606.735	-8.597.828.611
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán	3.738.055.835	4.982.672.766
- Các khoản chi phí không được trừ	3.738.055.835	4.982.672.766
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán	-490.449.100	-13.580.501.377
- Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	-490.449.100	-2.796.029.700
- Lỗ các năm trước chuyển sang	-	-10.784.471.677
Thu nhập tính thuế/(Lỗ được chuyển)	-21.503.680.639	-
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-24.751.287.374	8.597.828.611
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-619	215

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại 31/12/2016

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	1.390.500.000
		Hoàn ứng	1.293.500.000
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	17.600.000.000
	Phó Tổng Giám đốc	Hoàn ứng	29.110.417.803

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	97.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Chủ tịch Phó Tổng Giám đốc	Ứng trước	10.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên Ban Kiểm soát	Phải thu hợp đồng Ủy thác đầu tư	32.300.000.000

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm là 1.770.997.774 đồng (bao gồm thuế thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính, một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính năm nay.

ĐỖ THỊ THANH HOA
Người lập biểu
Ngày 25 tháng 03 năm 2017

NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
Kế toán trưởng



HUYỀN VĂN TỐT
Tổng Giám đốc

Hội sở

Tầng 4 & 5, 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 2929

Fax: (84-8) 3914 3435

Email: support@bsi.com.vn

Văn phòng đại diện Nha Trang

34 Thống Nhất, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3822 120

Fax: (058) 3825 440

Email: support@bsi.com.vn